

Số: /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP, TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các thời kỳ đều đã khẳng định, tài nguyên khoáng sản là tài sản công, thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý - Là loại tài sản hữu hình nhưng hữu hạn và hầu hết không tái tạo nên khoáng sản phải được khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả cho trước mắt và lâu dài.

Ngày 17 tháng 10 năm 2010, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 (gọi tắt là Luật khoáng sản năm 2010) để thay thế Luật khoáng sản năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2005. Với 86 điều (Luật khoáng sản năm 1996 có 66 điều), thể hiện trong 11 Chương, trong đó có 48 điều với nội dung hoàn toàn mới, Luật khoáng sản năm 2010 đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản. Ngày 25 tháng 4 năm 2011, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW về chiến lược khoáng sản và định hướng phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết 02-NQ/TW), trong đó đã nêu rõ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản. Mặc dù Nghị quyết số 02-NQ/TW ban hành sau khi Luật Khoáng sản năm 2010 đã được Quốc hội thông qua, tuy nhiên trong thực tế, quá trình xây dựng Luật, Đảng đoàn Quốc hội đã thực hiện đề án hoàn thiện pháp luật về sở hữu đối với một số tài sản mới, trong đó có khoáng sản. Theo đó đã đề xuất các quan điểm chỉ đạo, chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước trong quản lý khoáng sản đã được Đảng đoàn Quốc hội đề xuất và thông qua Bộ Chính trị trước khi thông qua dự án Luật Khoáng sản năm 2010. Do đó, thực tế 05 quan điểm chỉ đạo, chủ trương lớn của Đảng về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến đã được thể chế hóa trong các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

Sau hơn 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, các chủ trương, chính sách và pháp luật về khoáng sản đi vào thực tiễn cuộc sống (*Báo cáo Tổng*

kết 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010 kèm theo), thể hiện trên các mặt như: công tác điều tra cơ bản địa chất đạt những kết quả đáng kể, nhiều khu vực khoáng sản mới được phát hiện và đánh giá góp phần gia tăng tài nguyên, trữ lượng một số khoáng sản chủ yếu, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản đã đạt nhiều hiệu quả, góp phần đưa hoạt động khoáng sản đi vào nền nếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản được tăng cường.

Tuy nhiên, sau 10 năm thi hành Luật Khoáng sản vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập. Nhiều chế định pháp lý của Luật Khoáng sản không còn phù hợp với thực tế; một số quan hệ mới trong hoạt động khoáng sản phát sinh trong thực tiễn cần phải được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Trong khi một số Luật mới được ban hành như Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch..., một số Luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế như Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đầu tư... thì Luật Khoáng sản vẫn chưa được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và đồng bộ thống nhất giữa các Luật.

Theo kết quả Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Nghị quyết số 02-NQ/TW, một số chính sách của Đảng chưa được thể chế đầy đủ trong Luật Khoáng sản năm 2010. Ngoài ra, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng được ban hành trong thời gian gần đây chưa được thể chế hóa thành các quy định trong Luật Khoáng sản, cụ thể như:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030, trong đó có quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản: “*Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường*”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ quan điểm: “*Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước. Tài nguyên phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên. Chú trọng phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế*”. Nghị quyết này cũng đã đặt ra giải pháp cần đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hoá nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, trong đó thực hiện nhiệm vụ cụ thể “hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước; Hoàn thiện pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Nhà nước giao quyền khai thác tài nguyên cho các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.”

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ định hướng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia “Đẩy mạnh Điều tra cơ bản địa chất, tìm kiếm, thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên trên đất liền và thềm lục địa của đất nước. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội bền vững...”.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, nêu rõ quan điểm: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển; Đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn vật lực, trong đó tập trung vào *nguồn lực tài nguyên thiên nhiên*; tất cả các nguồn lực được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời Nghị quyết cũng đưa ra các giải pháp như: Hoàn thiện hệ thống luật pháp thúc đẩy xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế; Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản; Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép.

Trên cơ sở Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, để có định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp

khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 10 tháng 02 năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết số 10-NQ/TW đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong đó có giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng bao gồm 6 nhiệm vụ: (1) Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Tổng kết, đánh giá đầy đủ việc thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung về công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; trong đó lưu ý: Quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất); các điều kiện địa chất khác (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa mạo...). Ưu tiên công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản gắn với yêu cầu đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng ở một số vùng biển trọng điểm; Điều tra cơ bản địa chất chủ yếu do Nhà nước thực hiện, xã hội hóa nguồn vốn thực hiện một số đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; kết quả điều tra cơ bản địa chất, thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (là cơ sở dữ liệu quốc gia) phải được thẩm định, nộp vào lưu trữ địa chất để quản lý tập trung, thống nhất; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất; Rà soát, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản. (2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. Ưu tiên cấp phép khai thác khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, nhất là công trình trọng điểm quốc gia. (3) Điều chỉnh thuế suất thuế tài nguyên đối với một số khoáng sản nhằm khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém. (4) Hoàn thiện chính sách xuất - nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài; xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản; khuyến khích huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác điều tra, đánh

giá khoáng sản. (5) Hoàn thiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, nhất là những khoáng sản quan trọng; khuyến khích hợp tác, đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong chế biến khoáng sản. (6) Hoàn thiện chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành địa chất, khoáng sản.

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết nêu trên tại Quyết định số 1298/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2021. Theo đó, đã đưa ra nhiệm vụ lập Dự án tổng kết thi hành Luật khoáng sản và xây dựng dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi) vào năm 2023-2024.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ Tổng kết thi hành và đề nghị xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản.

Để thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước nhằm hoàn thiện pháp luật về địa chất, khoáng sản, phát huy những kết quả tích cực đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản năm 2010 để ban hành Luật Khoáng sản mới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

- Hoàn thiện quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên, gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Luật hóa các định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Đáp ứng yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn, khắc phục những bất cập của cơ chế chính sách để có hệ thống cơ chế, chính sách đầy đủ, thúc đẩy phát triển ngành địa chất, khoáng sản.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước.

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm minh bạch, đồng bộ để có khả năng vốn hóa nguồn lực tài nguyên địa chất, khoáng sản, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật nhằm quản lý thống nhất quản lý địa chất, khoáng sản; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của Luật Khoáng sản năm 2010 sau 10 năm thực hiện; rà soát các quy định của các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Khoáng sản, nhất là các Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông; quản lý khoáng sản ở khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; đấu giá quyền khai thác khoáng sản; về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... có tính chất ổn định khi thực hiện để bổ sung vào quy định của Luật Khoáng sản (sửa đổi) trong thời gian tới.

- Bảo đảm tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo hành lang pháp lý đồng bộ về địa chất và khoáng sản, thúc đẩy sự phát triển bền vững.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu sửa đổi Luật Khoáng sản năm 2010 ở như đã nêu ở trên, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản tập trung giải quyết đối với 05 Chính sách lớn sau đây: (1) Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; (2) Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản; (3) Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản; (4) Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản; (5) Hoàn thiện chính sách tài chính về địa chất và khoáng sản.

Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách mới (về điều tra cơ bản địa chất, tài chính về địa chất), có chính sách kế thừa (chính sách về khu vực hoạt động khoáng sản, về thăm dò, khai thác khoáng sản, tài chính về khoáng sản) để tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện quy định hiện hành và có các chính sách mới được bổ sung theo quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết 10-NQ/TW. Trong phạm vi hồ sơ dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi), do điều kiện về thời gian, nguồn lực, kỹ thuật đánh giá tác động nên Báo cáo đánh giá tác động tập trung vào 05 chính sách lớn trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, cụ thể như sau:

1. Chính sách 01: Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Tài nguyên khoáng sản là một phần của tài nguyên địa chất, là một trong những nguồn lực có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Đất nước. Do vậy, ngày 20 tháng 3 năm 1996, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa IX đã thông qua Luật Khoáng sản và được Quốc hội khóa XI sửa đổi, bổ sung một số điều tại kỳ họp thứ 7, ngày 14 tháng 6 năm 2005. Trên cơ sở sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Luật Khoáng sản năm 1996 và được sửa đổi, điều chỉnh năm 2005, ngày 17 tháng 11 năm 2010 Luật Khoáng sản năm 2010 được Quốc hội khóa XII thông qua. Qua trên 23 năm thi hành Luật Khoáng sản, các chính sách về quản lý tài nguyên khoáng sản ngày càng được hoàn thiện, tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, hệ thống. Tuy nhiên, ngoài tài nguyên khoáng sản, các tài nguyên địa chất khác (địa nhiệt, di sản địa chất, tài nguyên vị thế v.v.) và các điều kiện địa chất khác (địa chất môi trường, tai biến địa chất, địa mạo v.v.) chưa có hệ thống quy định đồng bộ, tổng thể, thống nhất trong quản lý Nhà nước.

Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Luật Khoáng sản chủ yếu tập trung định hướng và quy định chi tiết cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhằm điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản phục vụ công nghiệp khai khoáng, chưa làm rõ khái niệm tài nguyên địa chất trong đó có tài nguyên khoáng sản. Trong khi đó công tác điều tra cơ bản địa chất có vai trò vô cùng quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội, cung cấp nền tảng thông tin, phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau lại chưa được định hướng thực hiện, các quy định liên quan đến quản lý nhà nước về điều tra cơ bản địa chất như: điều tra tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất công trình,...), địa chất đô thị v.v. chưa được quy định trong Luật.

Sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã đạt được một số thành tựu nhất định. Trong đó, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã phát hiện nhiều vùng, điểm mỏ có quy mô lớn, giá trị kinh tế cao, trong đó một số loại khoáng sản quan trọng, chiến lược như: titan, bauxit, đất hiếm, than, quặng urani, đồng, vàng v.v. làm gia tăng tiềm lực quốc gia, đồng thời phục vụ nhiều ngành kinh tế khác. Công tác lập bản đồ địa chất đã thực hiện được một số chuyên đề chuyên sâu, trong đó có những chuyên đề về cấu trúc kiến tạo, địa hóa vỏ phong hóa, tai biến địa chất, di sản địa chất, đã cung cấp những dữ liệu cơ bản cho quy hoạch của nhiều địa phương,

nhiều ngành kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, xây dựng chính sách chủ yếu tập trung vào điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản, còn thiếu những quy định trong Luật về quản lý các tài nguyên địa chất ngoài khoáng sản và các điều kiện địa chất (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất công trình,...). Công tác quản lý các hoạt động điều tra cơ bản địa chất mới chú ý đến quản lý sự nghiệp các nhiệm vụ lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản khu vực, đánh giá khoáng sản. Các nội dung điều tra về tai biến địa chất, địa chất đô thị, địa chất công trình, di sản địa chất v.v. hầu như chưa có sự quản lý nhà nước thống nhất. Trong thực tế ngoài công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được thực hiện đồng bộ, thống nhất theo quy định của Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất cũng đã được thực hiện dưới nhiều hình thức và quy định khác nhau trong một số ngành, lĩnh vực. Trong đó, công tác điều tra tai biến địa chất, di sản địa chất, địa chất đô thị, địa chất môi trường, địa hóa đất được thực hiện dưới dạng các dự án, đề tài khoa học được nhiều Viện nghiên cứu, Trường đại học, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo nhiều quy định kỹ thuật không đảm bảo sự thống nhất, chưa có quy định quản lý nhà nước thống nhất. Công tác điều tra địa chất công trình chủ yếu được tiến hành theo quy định pháp luật về khảo sát xây dựng. Theo đó công tác khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn được thực hiện để phục vụ công tác thiết kế xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng là thành phần của hồ sơ hoàn thành công trình và được chủ đầu tư lưu trữ theo quy định.

Cùng với việc quản lý tài nguyên địa chất, thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, công tác quản lý thông tin, dữ liệu địa chất cũng chưa được quản lý tập trung, thống nhất. Luật Khoáng sản năm 2010 chỉ quy định giao nộp, lưu trữ các báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; cung cấp và sử dụng thông tin về khoáng sản. Trong khi đó còn rất nhiều các dữ liệu thông tin có giá trị chưa được quản lý thống nhất. Nhiều hoạt động có tác dụng lớn vào lòng đất, có thể thu thập được nhiều thông tin, dữ liệu địa chất rất có giá trị nhưng không được điều tra thu thập, lưu giữ dữ liệu theo quy định thống nhất, cụ thể như: các công trình xây dựng thủy điện, các đường hầm khi xây dựng đường giao thông, xây dựng cảng biển v.v.; các lỗ khoan khảo sát nền móng công trình, các lỗ khoan khai thác nước dưới đất v.v., các hoạt động khai thác khoáng sản. Thông tin, dữ liệu địa chất lưu giữ phân tán tại nhiều cơ quan khác nhau, cụ thể: liên quan đến điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản được lưu giữ tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; kết quả điều tra địa chất thủy văn, tài nguyên nước ngầm được lưu giữ tại Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước Quốc gia; các tài liệu tìm kiếm, thăm dò than lưu giữ tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; các tài liệu về điều tra cơ bản địa chất về dầu khí được lưu giữ tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các tài liệu về khảo sát địa chất các công trình xây dựng được lưu giữ tại các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Công Thương, Bộ

Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn v.v.; các tài liệu quan đến tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất lưu giữ tại các Viện nghiên cứu thuộc nhiều Bộ, ngành, địa phương. Các thông tin, dữ liệu địa chất này hầu như không được tổng hợp để tái sử dụng làm giảm hiệu quả sử dụng của thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng hiệu quả dữ liệu đã có cho việc xây dựng, thực hiện các dự án điều tra cơ bản địa chất, lãng phí nguồn lực đầu tư, đặc biệt thiếu thông tin, dữ liệu địa chất đối với các khu vực nhạy cảm về địa chất.

Trong thực tế, công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản không trực tiếp tạo ra của cải vật chất, mà chủ yếu tạo ra các sản phẩm dưới dạng tri thức, đó là những thông tin, dữ liệu địa chất có giá trị thu được. Đây là tiền đề quan trọng cung cấp thông tin, dữ liệu tin cậy đảm bảo tính khả thi cho việc lập các quy hoạch ngành; thiết kế các đề án, dự án điều tra cơ bản địa chất, khảo sát xây dựng ở tỉ lệ lớn, chi tiết hơn một cách hiệu quả, khả thi, giảm những hạng mục công việc trùng lặp do sử dụng dữ liệu đã có, giảm chi phí đầu tư. Ngược lại các thông tin, dữ liệu địa chất hiện có cần được cập nhật, bổ sung, hiệu chỉnh thường xuyên từ chính những đề án, dự án đang thực hiện để có được cơ sở thông tin, dữ liệu địa chất ngày càng hoàn thiện, chính xác, tin cậy hơn. Như vậy, cần phải có quy định để đảm bảo thông tin, dữ liệu địa chất được thẩm định, thu thập, chuẩn hóa, thống nhất quản lý.

Về kinh phí cho điều tra địa chất cơ bản địa chất, khoáng sản. Trong những năm qua, thực hiện quy định của Luật Khoáng sản, công tác điều tra địa chất về khoáng sản được định hướng của Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030¹ và triển khai thực hiện theo Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030². Tuy nhiên bên cạnh những thành tích đã được ghi nhận, kết quả thực hiện còn có rất nhiều tồn tại, cụ thể: công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản không đạt mục tiêu đặt ra (mục tiêu đặt ra là hoàn thành 90% diện tích đất liền, trong khi kết quả chính đạt 73,19% diện tích đất liền); Công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển chỉ đạt được 42,19% mục tiêu đặt ra; công tác đánh giá khoáng sản chỉ đạt 39,2% mục tiêu đặt ra. Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được đề cập trong Điều 21 Luật Khoáng sản, Điều 14 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Theo đó, khoản 1 Điều 21 Luật Khoáng sản quy định “Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm”; Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 158 quy định “Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật khoáng

¹Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

²Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

sản và được bổ sung từ tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền đầu tư của tổ chức, cá nhân theo quy định”. Tuy nhiên do các quy định chưa đồng bộ, thống nhất nên kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chủ yếu từ nguồn chi sự nghiệp thường xuyên của ngân sách nhà nước. Chính sách “Xã hội hóa hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản” là một chính sách quan trọng được đề cập nhằm tháo gỡ vấn đề nguồn kinh phí đầu tư thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Chính sách đã được thể chế hóa tại Điều 23, 24 Luật Khoáng sản; Thông tư liên tịch số 61/2014/TTLT-BTNMT-BKHĐT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục góp vốn, quản lý vốn góp của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản. Tuy nhiên do cơ chế, chính sách đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa rõ ràng, nên nguồn vốn góp từ các tổ chức, cá nhân còn rất hạn chế³. Như vậy, mặc dù đã xây dựng Chiến lược, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhưng việc thực hiện không đạt yêu cầu về tiến độ do thiếu hụt trầm trọng vốn đầu tư.

Trước những tồn tại nêu trên, tại Nghị quyết 10, Bộ Chính trị đã có quan điểm điều chỉ đạo “Tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải được quy hoạch, điều tra, đầy đủ; được quản lý tập trung, thống nhất”; “Quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu địa chất quốc gia về địa chất, khoáng sản phục vụ đa mục tiêu”; “Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách và các nguồn thu được từ sử dụng thông tin về tài nguyên địa chất, cấp quyền khai thác khoáng sản” và “khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất”. Như vậy ngoài tài nguyên khoáng sản đã có những quy định chi tiết trong Luật Khoáng sản, cần phải bổ sung các quy định về quản lý tài nguyên địa chất, công tác điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý nhà nước về thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản quốc gia đảm bảo tính tập trung, thống nhất

³ Từ năm 2014 đến năm 2019, đã thực hiện 25 đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư thực hiện với tổng kinh phí là 93.867.705.602 đồng. Trong đó:

+ 03 đề án đánh giá khoáng sản sắt (01 đề án đã xác định được khu vực khoáng sản sắt quy mô nhỏ, nhưng tài nguyên đá đá ốp lát gabro có quy mô lớn; 02 đề án đã khoanh định được các khu vực khoáng sản sắt quy mô tài nguyên trung bình). Hiện nay đang đề xuất đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

+ 15 đề án vàng gốc đã phê duyệt báo cáo: có 01 khu vực có quy mô trung bình (>500kg); 11 khu vực có quy mô nhỏ (<500kg); 01 khu vực kém triển vọng; 01 khu vực không có khoáng sản vàng; 01 khu vực không có vàng nhưng đánh giá được tài nguyên quặng wolfram (WO₃) quy mô trung bình.

+ 02 đề án đánh giá quặng chì - kẽm, trong đó 01 khu vực có quy mô lớn; 01 khu vực có quy mô quặng chì - kẽm và wolfram nhỏ.

+ 05 đề án về khoáng chất công nghiệp (thạch anh, talc, quartzit, feldspat) và đá cảnh. Kết quả đánh giá tài nguyên đều đạt quy mô trung bình.

nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước. Chính phủ có trách nhiệm cấp kinh phí cho điều tra địa chất phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Nguồn kinh phí có thể từ nguồn chi sự nghiệp thường xuyên, nguồn chi đầu tư phát triển, nguồn trích lại từ nguồn thu cấp quyền khai thác khoáng sản, hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư và nguồn thu từ phí sử dụng thông tin dữ liệu địa chất. Nguồn kinh phí hàng năm cho lĩnh vực địa chất phải bảo đảm chi phí công tác điều tra địa chất theo Chiến lược, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bao gồm chi thường xuyên cho đội ngũ thực hiện, chi phí thực hiện các dự án điều tra địa chất và chi phí cho công nghệ, thiết bị điều tra địa chất phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ⁴. Cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định để khuyến khích khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết: Tài nguyên địa chất không được đánh giá giá trị đầy đủ, bảo vệ và quản lý thống nhất, không có cơ chế bảo vệ, bảo tồn cho tương lai và phát huy giá trị của chúng trong phát triển kinh tế xã hội. Công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản không hoàn thành được những mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết của Đảng, Chiến lược và Quy hoạch của Chính phủ về địa chất và tài nguyên khoáng sản do thiếu kinh phí thực hiện. Nhiều hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất rất cần thiết nhưng chưa được quy định thống nhất trong các văn bản pháp luật. Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn chi tiết không bao phủ được các hoạt động này, dẫn đến có sự chông chéo về quản lý, triển khai trong công tác điều tra cơ bản địa chất. Những thực trạng quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất chưa được giải quyết, chông chéo trong trách nhiệm quản lý, không kiểm soát được chất lượng thông tin, dữ liệu địa chất, giảm hiệu quả sử dụng, lãng phí nguồn lực đầu tư.

Nguyên nhân của vấn đề: Trong thời gian qua, chưa luật hóa được các quy định về thể chế, bao hàm cả các nguyên tắc thực thi, ứng xử và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương một cách đồng bộ, tổng thể, thống nhất quản lý về tài nguyên địa chất, điều tra cơ bản địa chất và các điều kiện địa chất khác; thông tin, dữ liệu địa chất. Theo đó chưa có quy định quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất; công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản chưa mang tính toàn diện, đồng bộ, thông tin, dữ liệu địa chất chưa được quản lý tập trung, thống nhất; chưa có

⁴ Hầu hết các nước đều có quy định Nhà nước đảm bảo kinh phí cho điều tra địa chất được quy định trong Luật điều tra địa chất, Luật Địa chất, Luật Địa chất và Khoáng sản hoặc các luật khác có liên quan. Riêng nước Mỹ quy định cụ thể lượng tiền cấp hàng năm cho các đầu mục công việc chính (Điều tra địa chất, lập bản đồ địa chất; đánh giá, thăm dò khoáng sản v.v.; nghiên cứu, đào tạo; quản lý dữ liệu địa chất v.v.) được quy định trong Luật lập bản đồ địa chất quốc gia (năm 1992) (The National Geologic Mapping Act of 1992) được hệ thống hóa trong Chương 43, Mục 31a-h của Bộ luật Hoa Kỳ (The U.S. Code).

các quy định để đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản đảm bảo hoàn thành được mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết của Đảng, Chiến lược và Quy hoạch của Chính phủ về địa chất và tài nguyên khoáng sản.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định rõ ràng, đầy đủ về quản lý tài nguyên địa chất, khoáng sản; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nội dung công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng của thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất đảm bảo tính ổn định, đầy đủ, kịp thời để thực hiện các dự án điều tra địa chất đạt được mục tiêu, đúng tiến độ được phê duyệt.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai giải pháp cho vấn đề này:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành.

b) Giải pháp 2: Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, theo đó:

- Giữ nguyên các quy định hiện hành về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Bổ sung quy định về nội hàm của tài nguyên địa chất⁵, các

⁵ Tài nguyên địa chất (Geological resources) là tất cả các chất trong vỏ Trái đất và các yếu tố địa chất mà con người có thể sử dụng được, bao gồm: tài nguyên khoáng sản, năng lượng địa nhiệt, tài nguyên cấu trúc địa chất chôn lấp chất thải và CO₂, tài nguyên vị thế, di sản địa chất và công viên địa chất.

điều kiện địa chất⁶, điều tra cơ bản địa chất⁷, các khu vực nhạy cảm địa chất⁸. Theo đó, bổ sung các quy định về quản lý các khu vực nhạy cảm về địa chất; hoàn thiện quy định về quản lý thông tin, dữ liệu địa chất⁹;

Bổ sung quy định về nội dung quản lý nhà nước tập trung, thống nhất về địa chất, trong đó có thông tin, dữ liệu địa chất¹⁰; bổ sung quy định về sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất của các tổ chức, cá nhân; bổ sung quy định về nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản. Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước đối với điều tra địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1: giữ nguyên chính sách hiện tại

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước không tốn các chi phí, nguồn lực để xây dựng Luật bổ sung quy định của Luật Khoáng sản, không mất thêm kinh phí xây dựng Nghị định quy định chi tiết. Công tác quản lý nhà nước về điều tra cơ bản địa chất

⁶ Các điều kiện địa chất, bao gồm: tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất công trình – thủy văn, địa mạo

⁷ Điều tra cơ bản địa chất là hoạt động nghiên cứu, điều tra về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ Trái Đất và các điều kiện địa chất, quy luật sinh khoáng liên quan (Tham khảo Điều 3, Luật Khoáng sản 1996), bao gồm các công tác sau:

+ Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản khu vực là công tác điều tra cơ bản địa chất được tiến hành với mục đích thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản vùng và đo vẽ lập bản đồ địa chất, khoáng sản;

+ Điều tra tài nguyên địa chất (Geological resources survey) là công tác điều tra cơ bản địa chất hướng đến các năng lượng địa nhiệt, tài nguyên vị thế, di sản địa chất và công viên địa chất;

+ Điều tra tai biến địa chất (Geological hazards survey) là công tác điều tra cơ bản địa chất được thực hiện với mục đích thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất liên quan đến các tai biến địa chất, đánh giá và ngăn chặn những tai biến địa chất tiềm năng;

+ Điều tra địa chất công trình (Engineering-geological survey) là công tác điều tra cơ bản địa chất được thực hiện với mục đích thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất nhằm đánh giá sự tác động của các yếu tố địa chất đến sự ổn định của các công trình xây dựng;

+ Điều tra địa chất đô thị (Urban geological survey) là công tác điều tra cơ bản địa chất với mục đích điều tra, đánh giá, thiết lập cơ sở dữ liệu địa chất tổng hợp về tài nguyên địa chất, khoáng sản, không gian ngầm, môi trường địa chất, tai biến địa chất phục vụ quy hoạch, xây dựng và quản lý các đô thị;

+ Điều tra địa điểm địa chất (Geological site investigation) là công tác điều tra cơ bản địa chất tại một khu vực quan tâm gắn với một mục đích cụ thể

⁸ Khu vực nhạy cảm về địa chất (geologically sensitive areas) là các khu vực có di sản địa chất đặc biệt, môi trường địa chất đặc biệt, tiềm ẩn hiểm họa từ tai biến địa chất

⁹ Quản lý dữ liệu địa chất (Geological data management) là công tác thực hiện, kiểm tra, thẩm định, tiếp nhận, thu thập, đối chiếu, lưu trữ, biên tập, hiệu đính, công bố và lưu hành các tài liệu, dữ liệu, hiện vật thu được từ kết quả công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

¹⁰ Thông tin, dữ liệu địa chất (Geological data) là kết quả thực hiện công tác điều tra địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bao gồm: kết quả thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thăm dò, khai thác khoáng sản; các dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, thăm dò về dầu khí, tài nguyên nước ngầm; kết quả công tác khảo sát nền móng công trình xây dựng tại các dự án xây dựng do nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện; kết quả điều tra cơ bản địa chất, nghiên cứu về địa chất, khoáng sản do các Viện nghiên cứu, Trường đại học và các tổ chức khoa học thực hiện, v.v.

về khoáng sản khoáng sản nói chung đã ổn định nhiều năm qua (10 năm từ khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực) Nhà nước không mất kinh phí để đào đào, bồi dưỡng cán bộ, công chức, chi phí phổ biến, giáo dục pháp luật mới.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản không mất kinh phí, thời gian để tìm hiểu hệ thống pháp luật về khoáng sản phần nội dung mới về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: các tài nguyên địa chất; thông tin, dữ liệu địa chất không được quản lý đầy đủ, thống nhất, đánh giá và phát huy giá trị; giảm hiệu quả bảo vệ, bảo tồn, sử dụng tài nguyên địa chất, bảo vệ môi trường và phòng chống thảm họa thiên tai; công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản không hoàn thành được những mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết của Đảng, Chiến lược và Quy hoạch của Chính phủ về địa chất và tài nguyên khoáng sản do thiếu kinh phí thực hiện.

+ Đối với doanh nghiệp: không có căn cứ pháp lý để đầu tư, khai thác các nguồn tài nguyên địa chất phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; không được cung cấp các thông tin tin cậy về điều kiện địa chất để định hướng phát triển và phòng tránh rủi ro.

+ Đối với người dân: không được bảo đảm về quyền lợi trong việc tiếp cận các thông tin về địa chất, đặc biệt là các thông tin về các điều kiện địa chất trong các khu vực nhạy cảm địa chất, tiềm ẩn tai biến địa chất để phòng tránh rủi ro.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

1.4.2. Giải pháp 2: Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước:

Thế chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà nước quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện về tài nguyên địa chất, bảo đảm

an ninh khoáng sản, an ninh năng lượng, phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe con người, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Tạo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quản lý, điều hành các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Nhà nước kiểm soát được chất lượng, quản lý toàn diện về thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản nâng cao được hiệu quả sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, kịp thời cung cấp kịp thời cho các ngành, địa phương trong việc hoạch định chính sách, chiến lược quy hoạch; cung cấp dữ liệu địa chất, khoáng sản tin cậy, đầy đủ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; thuận lợi cho nhiệm vụ chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường. Đảm bảo thực hiện các dự án điều tra địa chất, khoáng sản đúng tiến độ theo Quy hoạch được phê duyệt.

+ Đối với doanh nghiệp: có nhiều sự lựa chọn trong việc khai thác các nguồn tài nguyên địa chất phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, được cung cấp các thông tin tin cậy về điều kiện địa chất để định hướng phát triển và phòng tránh rủi ro;

+ Đối với người dân: được đảm bảo về quyền lợi trong việc tiếp cận các thông tin về địa chất, đặc biệt là các thông tin về các điều kiện địa chất trong các khu vực nhạy cảm địa chất, tiềm ẩn tai biến địa chất để phòng tránh rủi ro.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc xây dựng, bổ sung quy định của Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành để quy định cụ thể, toàn diện về quản lý địa chất và khoáng sản; kinh phí phổ biến, tuyên truyền các văn bản được sửa đổi, bổ sung.

+ Đối với doanh nghiệp: không phát sinh chi phí để thực hiện các quy định mới.

+ Đối với người dân: không có.

b) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Về cơ bản nội dung của chính sách về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, thông tin, dữ liệu địa chất do vậy không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

d) *Tác động tới hệ thống pháp luật*:

- Tác động tích cực: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất, khoáng sản giải quyết các tồn tại, bất cập hiện nay do thiếu các quy định quản lý về tài nguyên địa chất, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi phân tích, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất lựa chọn **Giải pháp 2**, không lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp 2 sẽ giúp thể chế hóa được quan điểm của Đảng về quản lý tài nguyên địa chất, khoáng sản, quản lý và thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất.

2. Chính sách 02: Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản.

2.1. Xác định vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của vấn đề

Căn cứ kết quả tổng kết thi hành Nghị quyết số 02-NQ/TW và Luật Khoáng sản năm 2010 cho thấy nhiều bất cập từ các chính sách, quy định liên quan đến công tác bảo tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, cụ thể:

** Đối với công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:*

Tài nguyên địa chất, khoáng sản hầu hết là tài nguyên không tái tạo, không thể tái sinh sau quá trình sử dụng và phá hủy, do đó cần phải được bảo vệ, bảo tồn cho tương lai và phát huy giá trị của chúng trong phát triển kinh tế xã hội. Những cấu trúc địa chất thuận lợi (có hiệu quả cao khi chôn lấp chất thải phóng xạ, CO₂ và các chất thải độc hại khác) cần phải được bảo vệ. Các di sản địa chất là tiềm năng và nguồn lực để phát triển cho ngành Du lịch địa chất ở Việt Nam (hiện nay đang là một xu hướng mới để cộng đồng khai thác, sử dụng). Tuy nhiên, vấn đề này chưa được luật hóa trong Luật Khoáng sản. Trong khi các văn bản quy phạm pháp luật của Luật Di sản văn hóa và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chủ yếu tập trung vào bảo vệ các công viên địa chất đã được công nhận. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh và sớm có các quy định để quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất nhằm khai thác, sử dụng hợp lý theo hướng phát triển bền vững (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn).

- Đối với tài nguyên khoáng sản: giải pháp chế biến sâu khoáng sản đặc biệt là thu hồi tối đa khoáng sản chính và khoáng sản có ích đi kèm hiện nay vẫn còn rất nhiều trở ngại nhất là công nghệ chế biến, năng lực của nhà đầu tư; theo đó, chưa có quy định cụ thể về mức độ chế biến sâu như thế nào là hiệu quả trong khai thác, chế biến khoáng sản cho từng nhóm, loại khoáng sản (Ví dụ: đá hoa trắng trước khi xuất khẩu nếu cửa xả thành tấm không cho hiệu quả bằng đá nguyên khối vì không phù hợp với thị hiếu và yêu cầu của nước ngoài; luyện xỉ titan hiệu quả không cao bằng tuyển tách thành quặng tinh do chi phí nhiên liệu quá cao, để có 1 tấn xỉ titan thông thường phải mất 2.000-3.000 KW điện...)

** Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:*

- Công nghiệp chế biến sâu khoáng sản của Việt Nam chưa phát triển; chưa có các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích đầu tư các dự án khai thác, chế biến khoáng sản có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác khoáng sản ẩn sâu.

- Doanh nghiệp có mỏ không thiện chí hợp tác đầu tư cơ sở chế biến sâu quy mô lớn;

- Chưa có chế tài nghiêm bắt buộc các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu.

- Một số chính sách về thuế, phí (Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, Thuế tài nguyên) không khích lệ được nhà đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản đặc biệt là khoáng sản chất lượng thấp nhằm thu hồi tối đa khoáng sản chính và khoáng sản đi kèm; chính sách không xuất khẩu đá khối trong một số trường hợp đã làm giảm giá trị của sản phẩm sau khi chế biến so với xuất khẩu đá khối,...

- Chưa xây dựng cơ chế ưu đãi nghề phù hợp với đặc thù nghề nghiệp, đảm bảo ổn định phát triển nguồn nhân lực cho điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản chưa thực hiện được.

** Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:*

- Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đã điều chỉnh một số nội dung liên quan đến quy hoạch khoáng sản cụ thể như sau:

+ Quy định mới về quy hoạch khoáng sản, theo đó *Quy hoạch khoáng sản bao gồm*: (1) quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; (2) quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (3) quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ; (4) quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

+ Bãi bỏ các Điều có liên quan đến quy hoạch khoáng sản gồm có: Điều 10 “Quy hoạch khoáng sản”, Điều 12 “Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước”, Điều 15 “Lấy ý kiến và công bố quy hoạch khoáng sản” của Luật Khoáng sản năm 2010;

+ Bổ sung và sửa đổi, bổ sung một số Điều liên quan đến quy hoạch khoáng sản như: bổ sung khoản 8 Điều 2; sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4; sửa đổi, bổ

sung điểm a khoản 1 Điều 9; sửa đổi, bổ sung Điều 11; sửa đổi, bổ sung Điều 13; sửa đổi, bổ sung Điều 14; sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17.

- Chất lượng quy hoạch còn hạn chế, cụ thể: Một số nội dung trong quy hoạch thiếu thực tế, tính khả thi: ví dụ đề ra rất nhiều mục tiêu lớn trong khi vốn đầu tư cho thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản còn hạn chế; một số quy hoạch chậm điều chỉnh.

Hậu quả nếu vấn đề không được giải quyết:

** Đối với công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:*

- Đối với một số loại tài nguyên địa chất nếu không được bổ sung và quy định trong Luật sẽ dẫn đến thất thoát nguồn lực và nguồn lực không được phát huy đúng giá trị cũng như vị thế để phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

- Đối với tài nguyên khoáng sản: sẽ gây lãng phí về chi phí đầu tư cũng như lãng phí về giá trị tài nguyên nếu không đưa ra các giải pháp liên quan đến hoạt động chế biến sâu khoáng sản cho từng nhóm, loại khoáng sản để tối đa hóa lợi ích về kinh tế cũng như giá trị của hàng hóa có nguồn gốc từ khoáng sản.

** Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:*

- Khoáng sản là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội, vì vậy việc chậm hoặc không ban hành mới các chính sách liên quan đến mục tiêu trong điều tra tài nguyên địa chất và khoáng sản; quy định kỹ thuật về điều tra cơ bản tài nguyên địa chất và khoáng sản; mục tiêu và tiêu chí về công nghệ trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản cũng như bảo vệ môi trường; tiêu chí quy định về chất lượng sản phẩm; tiêu chí về chế biến sâu khoáng sản theo nhóm, loại khoáng sản nhằm đem lại hiệu quả kinh tế tối ưu thì sẽ không đạt mục tiêu về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo cam kết của Chính phủ Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ hơn nữa bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050".

- Không khuyến khích, thúc đẩy Nhà đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến, sử dụng tài nguyên khoáng sản và hạn chế tác động đến môi trường.

** Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:*

Đứt gãy chuỗi hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm gia tăng chi phí đầu tư để thực hiện dự án cũng như đánh mất cơ hội đầu tư đối với các nhà đầu tư có tiềm lực kinh tế và khoa học công nghệ trong khai thác, chế biến khoáng sản, bởi hoạt động cấp phép phải tuân thủ theo quy hoạch khoáng sản. Vì vậy, chất lượng

quy hoạch, tiến độ thực hiện điều chỉnh quy hoạch (nếu có) ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Nguyên nhân của vấn đề:

**** Đối với công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:***

- Đối với một số loại tài nguyên địa chất: Nguyên nhân khách quan là chưa được đánh giá và nhìn nhận đúng vị thế so với tiềm năng của tài nguyên.

- Đối với một số loại tài nguyên khoáng sản chưa khai thác:

+ Chưa có hướng dẫn cụ thể cho các địa phương lập kinh phí hàng năm cho công tác tuyên truyền phổ biến về pháp luật khoáng sản; bảo vệ môi trường, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

+ Việc phân cấp thẩm quyền xử lý vi phạm cho chính quyền cấp huyện và cấp xã còn hạn chế và chưa phù hợp, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và xử lý;

+ Thiếu sự phối hợp giữa chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương lân cận trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không phép, khai thác không đúng với giấy phép được cấp.

+ Công tác tuyên truyền chưa đa dạng về hình thức, chưa làm rõ vai trò trách nhiệm của nhân dân địa phương trong thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, vận động, tuyên truyền nhân dân kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan chức năng khi có hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không phép xảy ra trên địa bàn.

**** Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:***

- Nguyên nhân công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 không hoàn thành mục tiêu đề ra.

+ Không đủ vốn cấp, ngân sách Nhà nước mới đáp ứng được 52,82% nhu cầu thực tế cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

+ Công tác điều tra địa chất, khoáng sản biến tỉ lệ 1/500.000 trên toàn diện tích khó khả thi do thiếu phương tiện, thiết bị, vốn điều tra và do tình hình biến Đông phức tạp.

- Nguyên nhân mục tiêu đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường chưa hoàn thành.

+ Các kết quả điều tra, thăm dò hiện nay cho thấy, rất nhiều loại khoáng sản, nhất là khoáng sản kim loại có quy mô nhỏ, phân tán, nhỏ lẻ. Do vậy, việc đầu tư công nghệ khai thác, chế biến hiện đại, tập trung, quy mô lớn rất khó khăn,

cần vốn đầu tư lớn nhưng dễ dẫn đến thua lỗ do nguồn nguyên liệu thiếu, phân tán, không ổn định.

+ Mặt khác, giá khoáng sản vẫn đang giảm sâu, khó thu hút được các nhà đầu tư quy mô lớn, dài hạn trong chế biến khoáng sản.

- Mục tiêu: chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản quy mô lớn, kèm theo một số chính sách, định hướng cụ thể đề ra trong chiến lược như: không xuất khẩu quặng sắt, quặng đồng, quặng mangan, quặng cromit, và một số quặng kim loại có quy mô nhỏ, đá khối đối với đá hoa và đá ốp lát phần nào đã làm hạn chế tính năng động, thích ứng với thị trường trong việc xuất khẩu khoáng sản, dẫn đến tồn kho một số loại khoáng sản lớn, buộc Chính phủ phải có một số giải pháp tháo gỡ.

** Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:*

Không bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính và gây chồng chéo trong thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch theo đó hiện tại:

- Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ do Bộ Công Thương chủ trì thực hiện.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

** Đối với công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:*

- Luật hóa quy định về quản lý tài nguyên địa chất, quản lý, kiểm soát hệ thống điều tra địa chất, hiệu quả dữ liệu địa chất nhằm bảo đảm an ninh đảm bảo nguồn nguyên liệu, an ninh năng lượng, phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe con người, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển ngành địa chất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản theo mục tiêu sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; phát triển ngành công nghiệp khai khoáng theo quan điểm về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm thiểu tối đa phát thải khí nhà kính.

* *Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:* Định hình rõ quan điểm, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp pháp để thực hiện chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

* *Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:* Bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính để không gây chồng chéo trong thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch khoáng sản.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) *Giải pháp 1:* Giữ nguyên các quy định hiện hành

b) *Giải pháp 2:* Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Khoáng sản theo hướng:

- Bổ sung mới các quy định về bảo vệ tài nguyên địa chất, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

- Bổ sung các quy định về chiến lược khoáng sản cho phù hợp với chủ trương mới của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Luật có liên quan

- Bổ sung các quy định về quy hoạch khoáng sản cho phù hợp với chủ trương mới của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Luật có liên quan nhất là Luật Quy hoạch năm 2017.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1 *Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành*

a) *Tác động về kinh tế, xã hội:*

- Về mặt tích cực:

+ **Đối với Nhà nước:** Nhà nước không tốn các chi phí, nguồn lực để xây dựng Luật bổ sung quy định của Luật Khoáng sản, không mất thêm kinh phí xây dựng Nghị định quy định chi tiết; Nhà nước không mất kinh phí để đào đào, bồi dưỡng cán bộ, công chức, chi phí phổ biến, giáo dục pháp luật mới.

+ **Đối với Nhà nước:** “Việc quản lý và có các hoạt động nhằm bảo vệ nguồn lực là tài nguyên địa chất”.

+ **Đối với doanh nghiệp:** “có tác động tích cực trong khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất để phát triển Du lịch cũng như kinh tế-xã hội”;

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: các tài nguyên địa chất không được quản lý đầy đủ, thống nhất, đánh giá và phát huy giá trị; giảm hiệu quả bảo vệ, bảo tồn, sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả tài nguyên địa chất, bảo vệ môi trường và phòng chống thảm họa thiên tai; không nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước; không phát huy được giá trị, giảm hiệu quả sử dụng và lãng phí nguồn lực tài nguyên, gây tổn hại tới môi trường.

+ Đối với doanh nghiệp: bị ảnh hưởng trong việc khai thác các nguồn tài nguyên địa chất phục vụ các nhu cầu về Du lịch cũng như phát triển kinh tế xã hội; cung cấp các thông tin tin cậy về điều kiện địa chất để định hướng phát triển và phòng tránh rủi ro; không thúc đẩy được việc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành công nghiệp khai khoáng.

+ Đối với người dân: không được bảo đảm về quyền lợi trong việc tiếp cận các thông tin về địa chất, đặc biệt là các thông tin về các điều kiện địa chất trong các khu vực nhạy cảm địa chất, tiềm ẩn tai biến địa chất để phòng tránh rủi ro; không được bảo đảm về quyền lợi trong việc tiếp cận các giá trị mà ngành công nghiệp khai khoáng mang lại; chịu đựng môi trường sinh thái bị suy giảm.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không ảnh hưởng do các chính sách đề xuất chưa được áp dụng.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do chưa có quy định.

2.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Khoáng sản đối với công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về mặt tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà nước quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện về tài nguyên địa chất, bảo đảm an ninh khoáng sản, an ninh năng lượng, phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe con người, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Tạo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quản lý, điều hành các nhiệm vụ điều tra địa chất.

Thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW. Theo đó, Nhà nước định hướng các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng theo định hướng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo đảm cam kết về cắt giảm khí nhà kính theo thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050".

Bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính để không gây chồng chéo trong thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch khoáng sản.

+ Đối với doanh nghiệp: có nhiều sự lựa chọn trong việc khai thác các nguồn tài nguyên địa chất, khoáng sản phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, được cung cấp các thông tin tin cậy về điều kiện địa chất để định hướng phát triển và phòng tránh rủi ro.

Thúc đẩy việc đổi mới khoa học và công nghệ, khuyến khích cùng cơ quan nhà nước xây dựng nền kinh tế phát triển theo xu hướng không phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên mà theo xu hướng “kinh tế xanh”, “kinh tế tuần hoàn”.

Không làm ảnh hưởng tới chuỗi sản xuất kinh doanh cũng như dãn đoạn trong hoạt động đầu tư liên quan đến việc điều chỉnh hoặc thiếu thống nhất về thông tin Quy hoạch, giảm thiểu chi phí hành chính.

+ Đối với người dân: được đảm bảo về quyền lợi trong việc tiếp cận các thông tin về địa chất, đặc biệt là các thông tin về các điều kiện địa chất trong các khu vực nhạy cảm địa chất, tiềm ẩn tai biến địa chất để phòng tránh rủi ro.

Được bảo đảm về quyền lợi trong việc hưởng thụ các thành quả mà ngành công nghiệp khai khoáng mang lại; thụ hưởng môi trường sinh thái trong lành ít bị ô nhiễm bởi hoạt động của ngành công nghiệp khai khoáng.

Không bị ảnh hưởng bởi hoạt động nghỉ việc do dừng hoạt động của các Dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản.

- Về mặt tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Phát sinh nguồn lực (nhân lực, kinh phí, thời gian) cho việc xây dựng, bổ sung quy định của Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành để quy định cụ thể, toàn diện về quản lý địa chất và khoáng sản, chiến lược khoáng sản, quy hoạch khoáng sản; kinh phí phổ biến, tuyên truyền các văn bản được sửa đổi, bổ sung.

+ Đối với doanh nghiệp: Bước đầu tăng chi phí đầu tư đồng thời được hưởng lợi từ những chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư từ nhà nước.

Tăng chi phí hành chính do phải liên hệ với nhiều đầu mối, nhiều Bộ, ngành đề đề xuất, kiến nghị việc thực hiện các Quy hoạch khoáng sản có liên quan đến điều chỉnh, bổ sung...

+ Đối với người dân: Có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động nghỉ việc do dừng hoạt động của các Dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản

b) *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* có thể phát sinh thủ tục hành chính do các quy định mới hoặc thay đổi quy định hiện hành.

d) *Tác động tới hệ thống pháp luật:* Xây dựng, bổ sung các chính sách liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản cho phép sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản một cách hợp lý, hiệu quả và hài hòa giữa các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Sau khi phân tích, đánh giá, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất lựa chọn **Giải pháp 2** nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng đã được quy định tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Luật có liên quan nhất là Luật Quy hoạch năm 2017.

3. Chính sách 03: Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản.

Theo quy định tại Điều 25 Luật Khoáng sản năm 2010, khu vực khoáng sản bao gồm: (1) Khu vực hoạt động khoáng sản, bao gồm cả khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; (2) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản; (3) Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; (4) Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

** Khu vực hoạt động khoáng sản*

Khu vực hoạt động khoáng sản được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật khoáng sản như sau: “*Khu vực hoạt động khoáng sản, bao gồm cả khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ*”.

Tại khoản 1 Điều 26 Luật khoáng sản quy định điều kiện khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản như sau: “*Khu vực hoạt động khoáng sản là khu vực có khoáng sản đã được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định trong quy hoạch*”.

Khu vực hoạt động khoáng sản khi lập quy hoạch khoáng sản theo quy định

tại điểm đ khoản 3 Điều 12 Luật khoáng sản được thực hiện như sau: “*Khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản, trong đó thể hiện cả khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Khu vực hoạt động khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp*”.

Việc xác định các “khu vực hoạt động khoáng sản” nhằm để “hoạt động khoáng sản” tức là thực hiện thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản (khoản 5 Điều 2 Luật khoáng sản).

Để khoanh định được “khu vực hoạt động khoáng sản” theo quy định của Luật khoáng sản phải trên cơ sở tài liệu được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Theo đó, các khu vực khoáng sản phát hiện để khoanh định trên bản đồ phải là các điểm quặng, thân quặng, đới quặng, trường quặng hoặc biểu hiện khoáng hóa theo tài liệu địa hóa, trọng sa, vật lý..., và phải xác định được kích thước (chiều dài, chiều rộng, diện phân bố,...) theo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Tuy nhiên, hiện nay công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa phủ hết diện tích lãnh thổ (phần đất liền), do đó, còn rất nhiều khu vực khoáng sản chưa được khoanh định để quy hoạch. Mặt khác, không phải cứ có công tác điều tra cơ bản địa chất mới phát hiện được khu vực khoáng sản mà có những khu vực do người dân tình cờ phát hiện, ban đầu chỉ là một điểm quặng (hoặc thân quặng ẩn) nhưng sau mở rộng thành khu vực diện tích lớn, có hoạt động khai thác trái phép (đây cũng được nhìn nhận là khu vực hoạt động khoáng sản).

Ngoài ra, các khu vực có khoáng sản nhưng chưa được coi là khu vực hoạt động khoáng sản do các quy định về yêu cầu chỉ tiêu chất lượng và mục đích sử dụng khoáng sản như:

- Khu vực có hàm lượng khoáng sản có ích (dưới hàm lượng biên theo quy định) trước đây chưa thu hồi được nhưng đến nay do tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã thu hồi được.
- Khu vực có khoáng sản nhưng nằm ngoài các quy hoạch hoặc lớn hơn diện tích được khoanh định trong các quy hoạch.
- Khu vực phát hiện có khoáng sản bị khai thác trái phép.
- Khu vực có nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.
- Khu vực khoáng sản “đất, đá, cát,...” làm vật liệu san lấp.

Luật khoáng sản quy định về điều kiện khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản là: “Khu vực hoạt động khoáng sản là khu vực có khoáng sản đã được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản” chưa giải quyết được triển để, chưa điều chỉnh được các khu vực có khoáng sản mà chưa được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhưng đã trở thành “khu vực hoạt động khoáng sản” như đã nêu ở trên.

** Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ*

Việc xác định khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ như hiện nay chưa đảm bảo đúng khái niệm về hình thức “khai thác nhỏ (quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật khoáng sản) bởi vì việc khoanh định lại theo tiêu chí (Điều 21 Nghị định 158), trong đó có quy định về định lượng khoáng sản (Phụ lục I) chứ không phải là hình thức khai thác. Khu vực hoạt động khoáng sản là *khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ* xác định theo tiêu chí để khoanh định nên có những khu vực diện tích rất lớn nhưng ít khoáng sản dẫn đến tính hiệu quả hoạt động khai thác không cao, ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, môi trường.

Mặt khác, khoáng sản phát hiện đã có quy mô rất nhỏ nhưng quy định phải có tài nguyên hoặc trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Điều này mâu thuẫn với mục tiêu của công tác điều tra, đánh giá hoặc thăm dò vì những khu vực không triển vọng sẽ không đầu tư công trình để đủ cơ sở phê duyệt trữ lượng, tài nguyên.

** Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản*

Điều 28 Luật khoáng sản quy định cụ thể các khu vực cấm hoạt động khoáng sản (khoản 1) và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (khoản 2), có nghĩa là phạm vi cấm rất rộng lớn mà chưa có sự liên hệ trực tiếp với khu vực hoạt động khoáng sản. Vì vậy, khi góp ý với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cần có ý kiến của các Bộ, ngành và Thủ tướng Chính phủ quyết định để vừa đảm bảo đáp ứng các tiêu chí nhưng vẫn đảm bảo phát triển kinh tế xã hội tại các khu vực có khoáng sản.

Việc xác định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản mục đích để ngăn ngừa việc cấp phép hoạt động khoáng sản vào các khu vực cấm hoạt động khoáng sản. Tuy nhiên, việc khoanh định các khu vực cũng ít nhiều ảnh hưởng đến một số khu vực như: khu vực có khoáng sản phân bố rộng rãi đã được quy hoạch để khai thác quy mô công nghiệp hoặc khu vực có các loại khoáng sản rất cần thiết cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh năng lượng,... mà khi cần hoạt động khoáng sản phải điều chỉnh. Việc khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản khi có yếu tố an ninh, quốc phòng thì vị trí tọa độ và diện tích khu vực cấm, tạm cấm phải đảm bảo yếu tố bí mật nên không công bố tọa độ, diện tích rõ ràng khi được phê duyệt, vì vậy, trong quá trình thẩm định, khi cấp phép hoạt động khoáng sản, cơ quan cấp phép vẫn phải lấy ý kiến của UBND các Tỉnh.

** Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia*

Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được quy định tại Điều 29 Luật

Khoáng sản 2010. Căn cứ quy định, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Quyết định số 645/QĐ-TTg). Theo đó, đã khoanh định **48** khu vực cho **10** loại khoáng sản là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Qua rà soát cho thấy, trong các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã được khoanh định, công bố tại Quyết định số 645/QĐ-TTg nêu trên, có nhiều khu vực phân bố dọc dải ven biển, nơi có điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án kinh tế-xã hội (dự án du lịch, điện gió, điện mặt trời, khu công nghiệp, Tuy nhiên, tại Quyết định số 645/QĐ-TTg nêu trên chỉ mới khoanh định các diện tích là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức cá nhân có liên quan khi được phép đầu tư các dự án phát triển trên mặt (mà ở dưới là khoáng sản dự trữ quốc gia); chưa quy định thời gian dự trữ khoáng sản phù hợp để phát triển dự án trên mặt dẫn đến việc các địa phương chưa đủ cơ sở pháp lý để quyết định chủ trương đầu tư triển khai được các dự án nêu trên.

Luật Khoáng sản chưa quy định thời gian dự trữ khoáng sản, cơ sở pháp lý và điều kiện cụ thể của việc triển khai các dự án trên mặt ở các khu vực dự trữ khoáng sản. Trong khi đó Luật Đầu tư, Luật Đất đai chỉ quy định về thời gian hoạt động, diện tích đất sử dụng của dự án nhưng chưa có quy định cụ thể việc triển khai các dự án đầu tư trên mặt mà bên dưới có khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Về thực tiễn, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế thì các khu vực dự trữ titan, cát trắng phân bố dọc khu vực ven biển các tỉnh này là nơi có điều kiện kinh tế-xã hội thuận lợi để phát triển các dự án như điện gió, điện mặt trời, các khu công nghiệp, các khu du lịch, ..., đặt ra vấn đề phải sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, đảm bảo vừa dự trữ khoáng sản lâu dài theo quy định của Luật Khoáng sản, mà trên mặt vẫn phát triển được các dự án kinh tế-xã hội tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư. Do đó, chính sách về khu vực khoáng sản dự trữ quốc gia phải được điều chỉnh trong Luật Khoáng sản (sửa đổi) nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn phát sinh trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, nhu cầu cấp bách phát triển kinh tế của các địa phương, phát huy tối đa các nguồn lực phát triển đất nước và các địa phương theo tinh thần các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thời gian qua.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung nhóm các quy định về khu vực khoáng sản, bao gồm Khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia về khái niệm, tiêu chí khoanh định, điều chỉnh khu vực,... nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản, giải quyết những vấn đề

bất cập trong thực tiễn thi hành.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai giải pháp để giải quyết vấn đề này:

a) *Giải pháp 1*: Giữ nguyên các quy định hiện hành

b) *Giải pháp 2*: Sửa đổi, bổ sung nhóm các quy định về khu vực khoáng sản theo hướng:

- Mở rộng khái niệm “khu vực hoạt động khoáng sản” theo hướng “*Khu vực hoạt động khoáng sản là khu vực phân bố khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định trong quy hoạch khoáng sản*”

- Điều chỉnh nội dung: “*Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ là khu vực quy mô nhỏ được khoanh định trên cơ sở kết quả đánh giá khoáng sản trong giai đoạn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản hoặc kết quả thăm dò khoáng sản*”.

- Điều chỉnh khoản 1 khi khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản cần xác định tiêu chí: “*Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi thuộc*” (giữ nguyên các tiêu chí khoanh định)

- Bổ sung quy định điều chỉnh quy định về khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia về: tiêu chí khoanh định, thời gian dự trữ, việc triển khai các dự án đầu tư trên mặt trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (thời gian, diện tích...), trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong chính khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước:

Nhà nước không tốn các chi phí, nguồn lực để xây dựng Luật bổ sung quy định của Luật Khoáng sản, không mất thêm kinh phí xây dựng Nghị định quy định chi tiết. Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản nói chung và các khu vực khoáng sản nói riêng đã ổn định nhiều năm qua (10 năm từ khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực) Nhà nước không mất kinh phí để đào đào, bồi dưỡng cán bộ, công chức, chi phí phổ biến, giáo dục pháp luật mới.

Giữ ổn định, không làm thay đổi các hoạt động kinh tế, xã hội trong lĩnh vực khoáng sản.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

không mất kinh phí, thời gian để tìm hiểu hệ thống pháp luật về khoáng sản phần nội dung mới.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

Không đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản do hệ thống pháp luật về khoáng sản không hoàn thiện, có thể gây tổn thất tài nguyên, thất thu ngân sách nhà nước, bởi vì:

Nếu giữ nguyên khái niệm khu vực khoáng sản như hiện nay thì như phân tích ở trên về điều kiện khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản chưa giải quyết được triển đề, chưa điều chỉnh được các khu vực có khoáng sản mà chưa được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhưng đã trở thành “khu vực hoạt động khoáng sản” như đã nêu ở trên. Đa số các quy hoạch khoáng sản chỉ khoanh định theo diện tích cấp phép thăm dò, khai thác hoặc đề xuất của các địa phương nơi có khoáng sản.

Nếu giữ nguyên khái niệm khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ như hiện nay, tức là thiên về khái niệm hình thức khai thác chứ không phải là điểm mỏ có quy mô nhỏ như thực tế đã khoanh.

Trường hợp giữ nguyên cần quy định rõ hình thức khai thác (thủ công hoặc bán cơ giới), định mức sản lượng khai thác (theo tháng, năm), diện tích tối đa cho một khu vực.

Giữ nguyên như quy định tại Điều 28 Luật Khoáng sản 2010. Tức là quy định khu vực cấm hoạt động khoáng sản chứ không phải điều kiện để khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản.

Quy định tại Điều 39 Luật Khoáng sản năm 2010 hiện nay không có quy định về việc cho phép đầu tư dự án phát triển kinh tế, xã hội trên mặt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, không có quy định rõ về thời gian dự trữ, việc điều chỉnh khu vực dự trữ đảm bảo phù hợp với thực tiễn, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội.

Ảnh hưởng xấu đến niềm tin của tổ chức, cá nhân về môi trường đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: không thu hút được sự quan tâm, tham gia của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động khoáng sản, hoạt động sản xuất không được phát triển.

b) Tác động về giới: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính

mới, không gây tác động đến thủ tục hành chính.

d) Tác động đến hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

3.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung nhóm các quy định về khu vực khoáng sản.

a) Tác động về kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: Tài nguyên khoáng sản được quản lý hiệu quả, khai thác, sử dụng tiết kiệm, không lãng phí, thất thoát tài nguyên; nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động khoáng sản có thể được tăng thêm (từ các nguồn thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,...) do khuyến khích được đầu tư, kinh doanh, bởi vì:

Khu vực hoạt động khoáng sản không chế hết diện phân bố khoáng sản có ích cần quản lý, thăm dò, khai thác; Thuận lợi cho công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

Để xác định diện tích hoạt động khoáng sản, tránh việc quy hoạch chồng chéo.

Diện tích khoáng định khu vực hoạt động khoáng sản để quy hoạch có thể chồng chéo với các quy hoạch phát triển khác; Phải điều chỉnh khi cần.

Đối với khu vực khoáng sản nhỏ lẻ, phân tán: Đúng với bản chất thực tế là khu vực chỉ có tài nguyên, trữ lượng nhỏ, thời gian khai thác ngắn, sớm giải phóng đất đai; Thuận lợi cho công tác quản lý; Không nhất thiết phải có tài nguyên, trữ lượng được phê duyệt.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp:

Thu hút được sự quan tâm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản; thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động sản xuất, đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản.

Tăng niềm tin của xã hội về môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Gia tăng lợi ích kinh tế của người dân và cộng đồng từ hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXDĐT.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước có thể bị ảnh hưởng lợi ích kinh tế vì có thể gia tăng các kinh phí xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Hoạt động khoáng sản được tăng cường, nhất là đối với khu vực khoáng sản phân tán nhỏ lẻ có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường sống của người dân nơi có khoáng sản được khai thác.

b) *Tác động về giới*: Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, không gây tác động đến thủ tục hành chính.

d) *Tác động đến hệ thống pháp luật*: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về khoáng sản, trong đó:

- Bộ máy nhà nước: không làm thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước, việc thực hiện chính sách trên cơ sở tổ chức bộ máy sẵn có hiện nay.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: dựa trên các điều kiện sẵn có về nguồn lực, bộ máy để thực hiện chính sách.

- Tính phù hợp với hệ thống pháp luật: đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi phân tích, đánh giá các giải pháp nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất lựa chọn **Giải pháp 2**. Sửa đổi, bổ sung nhóm các quy định về khu vực khoáng sản” là phù hợp, nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về hoạt động khoáng sản, bảo vệ, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản, đồng thời đảm bảo điều kiện để thực hiện phát triển kinh tế, xã hội trên khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

4. Chính sách 04: Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo thống kê, tính đến đầu năm 2021¹¹, cả nước có **3.679** khu vực được hơn 3.300 tổ chức, cá nhân đang khai thác với gần 50 loại khoáng sản khác nhau trên phạm vi cả nước, tập trung vào các loại khoáng sản như đá, sét, cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXDĐT), than, đá vôi, đá sét làm nguyên liệu xi măng, đá hoa trắng, đá ốp lát... Trong đó, có gần 3.000 khu vực khoáng sản làm VLXDĐT phần lớn ở quy mô nhỏ và trên 500 khu vực khai thác khoáng sản quy mô công nghiệp đang hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản theo **8.082** Giấy phép (**3.182** Giấy phép thăm dò và **4.900** Giấy phép khai thác khoáng sản) do cơ quan Trung ương và các địa phương cấp phép. Trong đó, số lượng giấy phép đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ TN&MT là **753** giấy phép, gồm: **332** Giấy phép thăm dò khoáng sản; **421** Giấy phép khai thác khoáng sản và

¹¹ Báo cáo Tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản

số lượng giấy phép đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh là **7.347** giấy phép, gồm: **2.850** Giấy phép thăm dò khoáng sản; **4.479** Giấy phép khai thác khoáng sản.

Nhìn chung, số lượng tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn các tỉnh, thành phố phù hợp với phân bố khoáng sản chung của cả nước. Một số tỉnh có số lượng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản tương đối nhiều như: Quảng Ninh, Lào Cai, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Phú Thọ,... Tuy nhiên, cũng có địa phương không có hoạt động khoáng sản như Bạc Liêu hoặc có số lượng doanh nghiệp tham gia ít như: Sóc Trăng, Thái Bình, Nam Định, Cần Thơ, Đồng Tháp, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến nay đã khắc phục được tình trạng cấp phép khai thác “tràn lan“, số lượng Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cấp mới hàng năm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giảm so với các năm trước nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu khoáng sản làm VLXDĐT của các địa phương và khu vực.

Luật Khoáng sản đã thể chế hóa chủ trương, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có năng lực về vốn, công nghệ, thiết bị đầu tư vào khai thác khoáng sản; điều tiết nguồn thu từ khoáng sản để hài hòa lợi ích của “Nhà nước-Doanh nghiệp-Người dân”; khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; hạn chế và tiến tới xóa bỏ cơ chế “xin-cho” trong việc cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản năm 2010, nhiều vấn đề vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn, cần sớm được điều chỉnh, khắc phục; một số nội dung quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản cần sớm được Luật hóa, cụ thể như sau:

a) Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường theo mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn.

Hiện nay, Điều 6 Luật Khoáng sản năm 2010 chỉ mới quy định về nguyên tắc đối với hoạt động khoáng sản “Khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới công nghệ, thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản nhằm thu hồi tối đa, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm khoáng sản, nâng cao giá trị khoáng sản sau khai thác, nhất là đối với các loại khoáng sản quy mô trung bình và nhỏ (chì - kẽm, thiếc, đá hoa trắng ...); các nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, công nghệ khai thác, chế biến chưa có tính ứng dụng thực tiễn cao; còn nhiều doanh nghiệp khai thác không thực hiện nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác (đóng cửa mỏ) gây tác động xấu đến môi trường.

Đối với các mỏ khoáng sản đang hoạt động, chỉ số ít các doanh nghiệp chú trọng đầu tư thiết bị chế biến nhằm thu hồi tối đa khoáng sản nhằm khai thác triệt để, tiết kiệm tài nguyên.

Việc đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm thay thế thiết bị công nghệ lạc hậu đã được các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản chú trọng; tuy nhiên, chỉ ở một số ít như lĩnh vực sản xuất xi măng từ công nghệ lò đứng gây ô nhiễm môi trường thay bằng các dây chuyền lò quay, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, thân thiện môi trường.

Luật Khoáng sản hiện hành chưa quy định chế biến sâu như thế nào thì mang lại hiệu quả trong khai thác, chế biến khoáng sản (Ví dụ: đá hoa trắng trước khi xuất khẩu nếu chưa xẻ thành tấm không cho hiệu quả bằng để đá nguyên khối vì không phù hợp với thị hiếu và yêu cầu của thị trường nước ngoài; luyện xỉ titan hiệu quả không cao bằng tuyển tách thành quặng tinh do chi phí nhiên liệu quá cao do để có 01 tấn xỉ titan thông thường phải mất 2.000-3.000 KW điện...).

Mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản là khái niệm mới, cần phải quy định trong các văn bản pháp luật làm cơ sở thực hiện.

Hoạt động khai thác khoáng sản là hoạt động có xung đột với nhiều lĩnh vực kinh tế khác và môi trường cho các hoạt động kinh tế này cũng đòi hỏi những yêu cầu đặc thù khác nhau, trong khi chưa có những quy định đặc thù để giải quyết xung đột về môi trường giữa hoạt động khoáng sản với các hoạt động khác; Các quy định hiện hành cho thấy có sự mất cân đối giữa yêu cầu về BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản và yêu cầu cũng như cơ chế đảm bảo cho việc khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản. Trong khi, vấn đề BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản có những yêu cầu rất cụ thể về công nghệ sử dụng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan; thực hiện ĐTM; nộp phí môi trường; ký quỹ phục hồi môi trường... thì yêu cầu đối với việc khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản không có nhiều cơ chế pháp lý để ràng buộc. Ngay chính trong cơ chế quan trọng nhất là cấp phép khai thác cũng như thu thuế tài nguyên cũng chưa được xây dựng dựa trên một quan điểm tài nguyên khoáng sản là tài sản của quốc gia, khả năng khai thác là có hạn và là tài nguyên không thể tái tạo; Việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động khai thác khoáng sản còn thiếu. Hiện nay vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng riêng cho từng loại hình khai thác khoáng sản mà dùng chung với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định cho lĩnh vực công nghiệp.

b) Chính sách tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản

Điều 5 Luật Khoáng sản 2010 quy định quyền lợi của địa phương và người

dân nơi có khoáng sản được khai thác như sau:

“1. Địa phương nơi có khoáng sản được khai thác được Nhà nước điều tiết khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

“2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm:

a) Hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật;

b) Kết hợp khai thác với xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ, phục hồi môi trường theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản; nếu gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác thì tùy theo mức độ thiệt hại phải có trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan;

d) Cùng với chính quyền địa phương bảo đảm việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản”.

Trên cơ sở tổng hợp từ báo cáo của 63 tỉnh/thành phố, giai đoạn 2012-2020, các tổ chức hoạt động khai thác khoáng sản đã hỗ trợ cho người dân địa phương số tiền là 126.768.380,64 triệu đồng.

Người dân, địa phương khu vực có khoáng sản khai thác là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ hoạt động khoáng sản. Quyền lợi của họ là được hưởng một phần từ nguồn thu hoạt động khoáng sản; được doanh nghiệp khai thác hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; được sống trong môi trường đảm bảo; được chuyển đổi nghề nghiệp, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khai thác khoáng sản... Và các quyền lợi đó cần được bảo đảm thực thi bởi các cơ chế, chính sách cụ thể như: chính sách phân phối nguồn thu từ hoạt động khoáng sản; cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác; chính sách bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; cơ chế, chính sách ưu tiên sử dụng lao động địa phương; cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản; chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản...

Cơ chế, chính sách đảm bảo thực thi quyền lợi cộng đồng hiện nay được đánh giá là chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, còn chông chéo và quá trình thực thi chính sách còn nhiều bất cập. Nhiều cơ chế, chính sách chưa phát huy được vai

trò trong quản lý cũng như điều tiết lợi ích các bên liên quan trong hoạt động khoáng sản, chưa đảm bảo thực hiện được các mục tiêu phát triển bền vững đã đặt ra. Cụ thể như: (i) Một số văn bản quy phạm pháp luật ban hành chậm, chất lượng còn chưa cao và chưa đồng bộ, có những quy định chồng chéo, khó triển khai thực hiện. Vì nhiều lý do khác nhau, Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện chưa tốt các chính sách: khuyến khích các doanh nghiệp hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đào tạo, sử dụng lao động địa phương nơi có khai thác khoáng sản; cụ thể hóa chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng công nghệ, thiết bị hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; thu hút các nhà đầu tư và lĩnh vực xử lý chất thải trong hoạt động khoáng sản. Cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các bộ Công Thương, Xây dựng, Tài chính và các bộ, ngành có liên quan trong quản lý, khai thác khoáng sản gắn với BVMT theo yêu cầu của Nghị quyết 535 chưa được thực hiện tốt; (ii) Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được ban hành có thể nói là khá nhiều. Tuy nhiên một thực tế là rất nhiều dự án công nghiệp nói chung và dự án khai thác khoáng sản nói riêng đang tiếp tục gây ô nhiễm[1]. Công tác lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường còn nhiều bất cập. Trong nhiều trường hợp, báo cáo đánh giá tác động môi trường không phản ánh đúng bản chất của dự án và chủ dự án cũng không thể thực hiện các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đã đề xuất trong báo cáo. Nhiệm vụ ký quỹ, thực hiện phục hồi môi trường cũng đã được thực hiện nhưng nói chung còn đang hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu. Các yêu cầu phục hồi môi trường nhìn chung còn đơn giản và nặng tính vật lý, các yếu tố như chất lượng đất, nước rỉ, đa dạng sinh học chưa được xem xét đến. Việc áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường chưa được đặt ra một cách tích cực, kết quả đạt được rất hạn chế. Các cơ chế về ký quỹ, đặt cọc - hoàn trả, giấy phép phát thải và thị trường trao đổi quyền phát thải cũng hệ thống quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường chậm được xây dựng và ban hành. Các quy định hiện hành về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chất thải rắn mặc dù đã được Chính phủ ban hành song số kinh phí thu được mới chỉ bằng 1/10 so với tổng kinh phí mà Nhà nước phải chi cho các dịch vụ thu gom và xử lý chất thải. Đã bộc lộ một số mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định của Luật Bảo vệ môi trường với một số đạo luật chuyên ngành như Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước v.v; chưa có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các Bộ và giữa Trung ương với địa phương. (iii) Quyền được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khai thác khoáng sản của người dân được quy định trong Luật đất đai, các thông tư, nghị định hướng dẫn đền bù và hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, đến nay chưa có các quy định cụ thể cho hoạt động khai thác khoáng sản – loại hình hoạt động có tính đặc thù rất cao. Hơn nữa, tổng hợp từ

nhieu báo cáo nghiên cứu, một số điều khoản trong các văn bản này không quy định cụ thể hoặc đề xuất mức bồi thường thiệt hại không phù hợp và ít cập nhật so với thực tế.; (iv) Các quy định hiện hành không quy định rõ ràng cụ thể về tỷ lệ lao động địa phương tối thiểu doanh nghiệp phải sử dụng, về trách nhiệm của doanh nghiệp khi trong việc đảm bảo quyền lợi của người lao động; (v) Cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng trong khu vực cũng chủ yếu dựa trên “tinh thần tự nguyện”, “hỗ trợ” của doanh nghiệp, chưa có quy định cụ thể; (vi) Hiệu quả nguồn thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản được đánh giá là chưa cao. Ngân sách nhà nước thu được không tương xứng với mức độ khai thác, tổn hại môi trường và chi phí quản lý. Địa phương nơi có khu vực khoáng sản khai thác chịu ảnh hưởng nặng nề do hoạt động khai thác nhưng không được đầu tư đúng mức trong vấn đề thiết yếu như khắc phục ô nhiễm môi trường, nước sạch hay an sinh xã hội; (vii) Vai trò của người dân trong hoạt động khoáng sản chưa thể hiện rõ, vẫn mang tính hình thức.

Hoạt động khoáng sản đóng vai trò quan trọng, mang lại những đóng góp, lợi ích cơ bản cho sự phát triển của nhiều địa phương, người dân khu vực khai thác, mức sống, thu nhập, cơ hội việc làm ngày càng được mở ra từ HĐKTKS; các hoạt động phát triển kinh tế đi kèm hoạt động khai thác mở ra nhiều cơ hội cho người dân; cơ sở hạ tầng khu vực khai thác được đầu tư mở rộng; nhà đầu tư, doanh nghiệp khai thác đã có những hỗ trợ, thực hiện các trách nhiệm xã hội đối với người dân khu vực, tuy nhiên môi trường sống của người ở những khu vực khai thác khoáng sản chưa thực sự được đảm bảo, người dân chưa thực sự được tham gia, giám sát hoạt động khoáng sản đang diễn ra, nguồn hỗ trợ, đền bù từ việc thu hồi đất đai còn thấp, chưa đáp bảo được sự phát triển bền vững trong tương lai...

c) Về công tác quản lý khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT)

Các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là loại khoáng sản rất phổ biến và dễ khai thác ở mọi quy mô từ hộ gia đình đến doanh nghiệp lớn trong khi nhu cầu phục vụ dân sinh rất lớn và thường xuyên (làm đường, san lấp, sản xuất gạch ngói, xây dựng công trình, xây dựng dân dụng...). Tuy nhiên, hiện nay việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD TT phải thực hiện theo trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện thủ tục áp dụng chung như các loại khoáng sản khác theo quy định tại Điều 47 và Điều 59 Luật Khoáng sản, nghĩa là quy định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD TT như đối với khoáng sản vàng, titan, than... Quy định như vậy là chưa phù hợp với thực tiễn do công nghệ khai thác khoáng sản làm VLXD TT đơn giản, ít ảnh hưởng đến môi trường... nên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn dẫn đến khai thác trái phép, làm thất thoát tài nguyên, nhất là cát sỏi lòng sông, bãi bồi, đất san lấp. Đặc

biệt, đối với trường hợp chủ thể là hộ kinh doanh đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXDĐT, trong khi các điều kiện đặt ra đối với chủ thể này đối với trường hợp thăm dò khoáng sản làm VLXDĐT là diện tích khu vực đề nghị thăm dò không quá 01 ha; điều kiện về khai thác là quy mô công suất khai thác không quá 3.000m³ sản phẩm là khoáng sản nguyên khai/năm thì việc áp dụng quy định chung về hồ sơ, thời hạn thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản là chưa phù hợp. Nguyên nhân của thực trạng nêu trên do Việt Nam sở hữu nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng; việc thăm dò, khai thác của mỗi loại khoáng sản có những đặc thù nhất định; yêu cầu về công nghệ khai thác, bảo vệ môi trường là khác nhau,... việc quy định áp dụng chung thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, trình tự, thủ tục cho tất cả các loại khoáng sản là chưa phù hợp. Việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản chưa thực sự hiệu quả. Hệ thống pháp luật pháp có quy định liên quan đến lĩnh vực khoáng sản có sự điều chỉnh, thay đổi, chưa đảm bảo tính đồng bộ....

Bên cạnh đó, theo phản ánh của nhiều địa phương như Lạng Sơn, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum,... thực tế quản lý nhà nước về khoáng sản làm VLXDĐT đã phát sinh khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế của địa phương. Cụ thể là đối với những trường hợp tổ chức, cá nhân tiến hành san gạt, cải tạo mặt bằng để phục vụ sản xuất nông nghiệp; trường hợp hộ gia đình khai thác khoáng sản làm VLXDĐT trong diện tích đất ở của hộ gia đình cá nhân để xây dựng công trình của gia đình trong diện tích đó, sau khi sử dụng cho công trình có dôi dư một khối lượng đất, đá có thể sử dụng làm vật liệu san lấp (bản chất là khoáng sản làm VLXDĐT) có thể sử dụng để phục vụ san lấp cho công trình khác; hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm VLXDĐT trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình mà sau khi phục vụ cho công trình đó dôi dư một khối lượng nhất định có thể đem phục vụ công trình khác, theo quy định của Luật Khoáng sản các trường hợp nêu trên phải được cấp phép khai thác khoáng sản như đối với các loại khoáng sản khác (không phân biệt diện tích khu vực, khối lượng khoáng sản dôi dư nhiều hay ít), điều này là không phù hợp, do trình tự, thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản phức tạp so với quy mô của hoạt động khai thác khoáng sản ở các trường hợp này.

Theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản năm 2010, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản làm VLXDĐT, tuy nhiên đối với một số trường hợp khai thác khoáng sản làm VLXDĐT ở quy mô nhỏ, rất nhỏ, đặc biệt ở là ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh quy định nêu trên gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong việc thực hiện thủ tục hành chính, phát sinh nhiều kinh phí.

Trước mắt, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội mà nếu không sửa kịp thời ngay sẽ khó thực hiện hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực và nhằm phát huy nguồn tài nguyên khoáng sản cho phát triển kinh tế - xã hội.

d) Quản lý cát, sỏi lòng sông

Theo quy định của Luật Khoáng sản 2010 chỉ mới quy định chung về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nói chung mà chưa có các quy định cụ thể về công tác quản lý cát, sỏi lòng sông (một loại hình khoáng sản cần thiết trong cuộc sống và có tính đặc thù riêng).

Trong thực tế, quản lý nhà nước đối với cát, sỏi lòng sông luôn phải gắn chặt với yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Luật khoáng sản chỉ điều chỉnh hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thăm dò, khai thác khoáng sản mà không điều chỉnh hành vi tập kết, mua bán, vận chuyển khoáng sản (trong đó có cát, sỏi lòng sông) nên các văn bản hướng dẫn Luật cũng không quy định để điều chỉnh các hành vi này. Tuy nhiên, hoạt động tập kết, mua bán cát, sỏi trái phép là một trong những nguyên nhân dẫn tới chưa thể phòng ngừa, ngăn chặn triệt để hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép thời gian qua. Do đó, các hành vi trên cần điều chỉnh bởi một Nghị định của Chính phủ, căn cứ các Luật liên quan (khoáng sản, thương mại, tài nguyên nước, giao thông thủy ...) để điều chỉnh đầy đủ các hành vi từ bảo vệ, điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác đến tập kết, mua bán, vận chuyển cát, sỏi lòng sông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Để quản lý các hoạt động liên quan đến cát, sỏi lòng sông (bao gồm cả ở lòng hồ, cửa sông, cửa biển) từ khâu lập quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định của pháp luật về khoáng sản gắn với trách nhiệm bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, đồng thời thống nhất nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến quản lý cát, sỏi lòng sông, bao gồm cả hoạt động tập kết, mua bán, vận chuyển cát, sỏi lòng sông phù hợp với các quy định của pháp luật khác có liên quan, cần thiết, Luật Khoáng sản (sửa đổi) phải có những quy định cụ thể cho công tác quản lý cát, sỏi lòng sông.

Hiện nay, để khắc phục một số hạn chế nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đã giá, đề xuất chính sách và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông (Nghị định không đầu). Tuy nhiên, đây chỉ là biện pháp tình thế để giải quyết vấn đề trước mắt, để giải quyết triệt để hạn chế, bất cập nêu trên cần sớm được luật hóa các quy định có tính chất đặc thù

đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản đối với loại hình khoáng sản là cát, sỏi, lòng sông.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Khoáng sản hiện hành đối với các nhóm quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản theo hướng:

- Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường theo mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn.

- Hoàn thiện chính sách tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... đảm bảo quyền lợi cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Hoàn thiện chế định về cấp phép thăm dò, khai thác đối với các loại khoáng sản nói chung, trong đó có quy định riêng đối với khoáng sản làm VLXDĐT, cát, sỏi lòng sông.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý hoạt động khoáng sản khoáng sản, góp phần hạn chế hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, gây tổn thất tài nguyên, trong đó có phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản (đến cấp huyện).

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai giải pháp được đề xuất để giải quyết vấn đề nêu trên:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành của Luật Khoáng sản năm 2010.

b) Giải pháp 2: Kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 theo hướng:

- Khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém nhằm thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm, bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng chính sách tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... đảm bảo quyền lợi cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Hoàn thiện quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, giảm thời hạn cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXDĐT theo đối tượng, quy mô, trữ lượng,... được cấp phép. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với các trường hợp khai thác khoáng

sản làm VLXDĐT không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản.

- Luật hóa các quy định đã được triển khai có tính khả thi, đồng bộ, thống nhất về quản lý cát, sỏi lòng sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

4.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành của Luật Khoáng sản năm 2010.

a) Tác động về kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Nhà nước không tốn các chi phí, nguồn lực để xây dựng Luật bổ sung quy định của Luật Khoáng sản, không mất thêm kinh phí xây dựng Nghị định quy định chi tiết. Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản nói chung và cấp phép khai thác khoáng sản nói riêng đã ổn định nhiều năm qua (10 năm từ khi Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực) Nhà nước không mất kinh phí để đào đào, bồi dưỡng cán bộ, công chức, chi phí phổ biến, giáo dục pháp luật mới.

Giữ ổn định, không làm thay đổi các hoạt động kinh tế, xã hội trong lĩnh vực khoáng sản.

Đối với người dân, doanh nghiệp: tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản không mất kinh phí, thời gian để tìm hiểu hệ thống pháp luật về khoáng sản phần nội dung mới.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

Không đảm bảo được hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, dẫn đến tình trạng thất thoát, chảy máu tài nguyên.

Nếu giữ nguyên như hiện nay, nghĩa là chỉ khuyến khích dự án đầu tư chế biến khoáng sản, mục đích là tạo ra các sản phẩm có giá trị mà chưa chú trọng đến đầu tư công nghệ để khai thác triệt để, tiết kiệm tài nguyên dẫn đến hiện tượng “dễ làm, khó bỏ”. Hệ quả là rất nhiều mỏ khoáng có hàm lượng các chất có ích thấp, phân bố ở vùng sâu, vùng xa có cơ sở hạ tầng thấp kém không được khai thác triệt để, tiết kiệm. Mặt khác, nếu không có cơ chế khuyến khích đổi mới công nghệ thì việc khai thác, chế biến khoáng sản sẽ gây ô nhiễm môi trường, môi sinh như phần lớn các mỏ hiện nay đang hoạt động khai thác ở Việt Nam.

Việc không đảm bảo tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu

tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... đảm bảo quyền lợi cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản, dẫn đến việc Nhà nước phải bỏ ngân sách đầu tư để phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội hơn.

Ảnh hưởng xấu đến niềm tin của tổ chức, cá nhân về môi trường đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản

+ Đối với người dân, doanh nghiệp:

Không khuyến khích được việc đầu tư trang bị, công nghệ hiện đại trong hoạt động khoáng sản dẫn đến việc không khai thác được triệt để, hiệu quả khoáng sản, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, kinh doanh.

Không thu hút được sự tham gia của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản dẫn đến không tạo thêm được nhiều việc làm, đóng góp cho người dân, địa phương nơi có khoáng sản được khai thác. Việc thiếu nguyên liệu để phục vụ xây dựng, phát triển dễ dẫn đến tình trạng khai thác khoáng sản làm VLXDĐT trái phép, nhất là cát, sỏi, lòng sông, gây mất an ninh, trật tự xã hội.

Quyền lợi của người dân, địa phương nơi có khoáng sản được khai thác không đảm bảo, dễ dẫn đến những hệ lụy xấu, mất an ninh, trật tự xã hội.

b) *Tác động về giới*: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, chỉ thực hiện theo thủ tục hiện hành.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

4.4.2. Giải pháp 2: Kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Khoáng sản năm 2010

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước:

Thế chế hóa được các quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tạo hành lang pháp lý xây dựng các cơ chế phù hợp phát huy hiệu quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp khai khoáng. Đảm bảo được hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, dẫn đến tình trạng thất thoát, chảy máu tài nguyên. Tài

nguyên của đất nước được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững. Giải phóng được đất đai tại các khu vực khai thác khoáng sản, bãi thải mỏ.

Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động khoáng sản có thể được tăng thêm (từ các nguồn thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,...) do khuyến khích được đầu tư, kinh doanh.

Tăng niềm tin của xã hội về môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản quốc gia.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp:

Có cơ sở pháp lý đầu tư vốn, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, thân thiện môi trường nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị. Giảm thiểu rủi ro trong việc huy động các nguồn lực để phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản.

Được đảm bảo về môi trường, được đảm bảo an sinh xã hội từ nguồn thu từ hoạt động khoáng sản, ổn định đời sống.

Người dân thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động sản xuất, đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản do đã được đơn giản hóa, rút ngắn thời hạn thực hiện các thủ tục.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: Nhà nước có thể bị ảnh hưởng lợi ích kinh tế vì có thể gia tăng các kinh phí xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp:

Việc đầu tư công nghệ trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản cần vốn lớn, chậm thu hồi vốn, trong khi các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hạn chế về trình độ công nghệ là yếu điểm của các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực khai thác, chế biến. Hiện nay, cơ bản vẫn sử dụng công nghệ cơ giới hoặc bán cơ giới, chưa có cơ sở khai thác, chế biến nào điện khí hóa.

Doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều kinh phí để hỗ trợ địa phương, người dân nơi có khoáng sản được khai thác.

b) *Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới mà đơn giản hóa, rút gọn thời hạn thực hiện các thủ tục hành chính.

d) *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* đảm bảo các quyền và nghĩa vụ cơ

bản của công dân theo quy định của Hiến pháp.

- Bộ máy nhà nước: không làm thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước, việc thực hiện chính sách trên cơ sở tổ chức bộ máy sẵn có hiện nay.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: dựa trên các điều kiện sẵn có về nguồn lực, bộ máy để thực hiện chính sách.

- Tính phù hợp với hệ thống pháp luật: đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị lựa chọn **Giải pháp 2**: Kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, nhằm hoàn thiện các quy định về thăm dò, khai thác khoáng sản, thúc đẩy phát triển ngành thăm dò, khai thác khoáng sản, đảm bảo khuyến khích các doanh nghiệp khai thác triệt để, tiết kiệm tài nguyên; Phát triển ngành công nghiệp khai khoáng hiện đại, tiên tiến, bền vững; đảm bảo quyền, lợi ích của địa phương, người dân nơi có khoáng sản được khai thác; thúc đẩy quá trình cải cách hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

5. Chính sách 05: Hoàn thiện Chính sách tài chính về địa chất và khoáng sản.

5.1. Xác định vấn đề bất cập

** Về tài chính từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất*

Luật Khoáng sản 2010 quy định trách nhiệm tài chính về địa chất trong phạm vi các hoạt động quản lý điều tra cơ bản về địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, cụ thể:

- Tại khoản 2 Điều 7 Luật Khoáng sản quy định đối với: “*Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin về khoáng sản phải trả phí sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.*”

- Trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, tại khoản 3 Điều 7 Luật Khoáng sản quy định đối với: “*Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ thăm dò khoáng sản phải hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; trường hợp sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.*”.

- Trong hoạt động góp vốn (xã hội hóa nguồn vốn) điều tra cơ bản về địa chất, tại khoản 4 Điều 4 Luật Khoáng sản quy định: “*Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hợp tác với các tổ chức chuyên ngành địa chất của Nhà nước để hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.*”.

- Trong hoạt động bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, tại Điều 20 Luật Khoáng sản quy định: *“Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.”*

Về cơ bản việc xác định tài chính về địa chất như trên đã đảm bảo tính khả thi của Luật, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước, sự cân đối hài hòa giữa lợi ích của tổ chức, cá nhân và lợi ích của Nhà nước và phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật tại thời điểm Luật ra đời.

Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh Luật Khoáng sản 2010 được ban hành với nhiều điểm tiến bộ trong việc điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, trình độ kinh tế - xã hội của nước ta cũng đã có nhiều thay đổi thì Luật Khoáng sản đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Thực tế, từ năm 1954 trở lại đây, nhà nước đã đầu tư rất lớn cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, bao gồm: đầu tư kinh phí nhà nước cho hoạt động điều tra, đánh giá về khoáng sản; sự kết tinh trí tuệ của các nhà khoa học trong và ngoài nước; sự đóng góp công sức của người dân. Hiện nay, việc đánh giá giá trị, sử dụng nguồn thông tin từ điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản chưa được đánh giá đúng mức. Đây là nguồn lực quan trọng của quốc gia, tuy nhiên, thời gian qua chưa được phát huy để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản.

Tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/01/2022 của Bộ Chính trị đã đánh giá *“Nguồn ngân sách thu từ khoáng sản chưa được quan tâm đầu tư trở lại để phát triển kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực cho địa phương nơi khai thác khoáng sản”*. Đồng thời, định hướng nhiệm vụ và giải pháp trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất *“quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất.”*

** Về tài chính từ hoạt động khoáng sản*

Luật Khoáng sản 2010 hiện nay quy định thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện thông qua đấu giá hoặc không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể, đối với một khu vực mỏ, trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định khu vực đó là khu vực không đấu giá, tổ chức, cá nhân sẽ phải trả một khoản tiền từ 1 ÷ 5% giá trị quặng nguyên khai (mức thu R) để được *“quyền khai thác khoáng sản”*; trường hợp khu vực đó được lựa chọn là khu vực đấu giá, tổ chức, cá nhân có đủ năng lực kỹ thuật công nghệ và năng lực tài chính và cam kết trả cao hơn mức thu nêu trên sẽ là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá và có *“quyền khai thác khoáng sản”*.

Theo quy định hiện nay, cơ quan quản lý nhà nước về công tác tính, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 (nay là Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019) quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Về cơ bản công tác tính, thẩm định và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã đạt được các mục tiêu đề ra, quá trình thực hiện đã rút gọn, thủ tục thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả rõ rệt. Công tác phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước (khoáng sản, thuế) được tăng cường, hạn chế tối đa sự sai sót khi triển khai công tác tính, thẩm định và trình phê duyệt kết quả tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phù hợp với đặc thù của từng loại, nhóm khoáng sản. Cho đến nay, sau hơn 08 năm thực hiện Nghị định của Chính phủ, trên toàn quốc đã thu về cho ngân sách nhà nước hơn 34 nghìn tỷ đồng từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại một số bất cập cần phải sửa đổi Luật Khoáng sản năm 2010.

Luật Đấu giá tài sản quy định trình tự, thủ tục đấu giá gồm các bước: xác định giá khởi điểm, bước giá, hồ sơ tham gia đấu giá, cử người đại diện tham gia đấu giá. So với Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì Luật Đấu giá tài sản hiện hành đã quy định trình tự, thủ tục đấu giá rõ hơn, đây là bước tiến trong chế định pháp luật về đấu giá tài sản của nhà nước, cơ bản đáp ứng yêu cầu của hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản, đẩy mạnh hiệu quả của cơ chế cấp phép hoạt động khoáng sản. Tuy nhiên, qua 10 năm áp dụng Luật Khoáng sản 2010 và các văn bản quy định chi tiết đã bộc lộ một số những hạn chế nhất định liên quan đến: trình tự thủ tục; việc thực hiện hủy kết quả đấu giá; thời hạn lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cơ chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản; việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Luật Đấu giá tài sản.

Nguyên nhân của vấn đề:

**** Về tài chính từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất***

Có ý kiến cho rằng, trong lĩnh vực sử dụng thông tin về địa chất không nên hạn chế các trường hợp phải hoàn trả. Theo đó, chỉ cần có quy định nếu sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất là phát sinh trách nhiệm phải hoàn trả của tổ chức, cá nhân. Riêng trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể, rõ ràng các trường hợp phải hoàn trả, bởi đây là hai lĩnh vực rất đặc thù¹². Theo

¹² Báo cáo số số 2546/BC ngày 15/8/2017 đánh giá kết quả 05 năm thực hiện công tác tổ chức xác định tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá, thăm dò khoáng sản của Nhà nước theo Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28/9/2009 và số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25/4/2012.

quan điểm của nhiều chuyên gia pháp luật, cần nghiên cứu mở rộng phạm vi tài chính về địa chất, theo đó, bổ sung lĩnh vực cần sử dụng thông tin về địa chất phục vụ đa ngành, đa mục tiêu (ví dụ như ngành xây dựng, giao thông, v.v....) là những trường hợp tổ chức, cá nhân phải hoàn trả phí sử dụng thông tin.

Về phương thức quy định tài chính về địa chất, nhiều người cho rằng việc quy định theo hình thức liệt kê như hiện nay không còn phù hợp, nên quy định theo phương thức quy định những điều kiện chung phát sinh trách nhiệm khi sử dụng thông tin về địa chất phục vụ cho các ngành khác. Một số chuyên gia cũng cho rằng cần xác định việc sửa đổi tài chính về địa chất trong Luật Khoáng sản phải mang tính lâu dài, không nên quy định mang tính liệt kê như Luật hiện hành mà nên quy định mang tính khái quát, trong đó, quy định các nguyên tắc định tính để xác định trường hợp nào thuộc tài chính về địa chất.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính về địa chất trong Luật Khoáng sản lần này.

** Về tài chính từ hoạt động khoáng sản*

Bên cạnh kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại một số bất cập như: nhiều dự án khi xem xét cấp phép khai thác thiếu những thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản như: trữ lượng địa chất huy động vào thiết kế khai thác, trữ lượng địa chất ở thể tự nhiên hoặc ở thể nguyên khai thể hiện không rõ ràng cụ thể... cho nên việc xác định trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gặp khó khăn; một số giấy phép cấp trước Luật khoáng sản năm 2010 trữ lượng xác định theo các tài liệu tìm kiếm đánh giá, mức độ tin cậy thấp, rủi ro cho các đơn vị khai thác khoáng sản; một số mỏ do vướng mắc trong công tác thỏa thuận, bồi thường giải phóng mặt đất bằng, chưa thể đưa mỏ vào khai thác, chưa có doanh thu nên khó khăn trong việc thực hiện nộp tiền; quy định về việc hoàn trả, đối trừ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp hết thời hạn khai thác nhưng trữ lượng khoáng sản của mỏ vẫn còn hoặc tổng trữ lượng đã khai thác nhỏ hơn trữ lượng được cấp theo giấy phép khai thác khoáng sản chưa rõ ràng; quy định về việc điều chỉnh, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp trong trường hợp trả lại toàn bộ Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản còn gặp khó khăn...

Vì vậy, để tiếp tục thực hiện và giải quyết những tồn tại vướng mắc trên, phù hợp với thực tế của công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thống nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản của các Bộ, ngành và địa phương nhưng vẫn bảo đảm sự tuân thủ pháp luật cần phải đưa các quy định nêu trên vào sửa đổi Luật Khoáng sản lần này. Theo đó, quy định rõ trình tự thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan theo quy định của pháp luật liên quan, với hình thức phù hợp, tạo thuận lợi nhanh chóng hiệu quả, khuyến

khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực công nghệ, năng lực tài chính khi khai thác khoáng sản.

Trình tự thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản hiện nay chưa chặt chẽ, đầy đủ, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cũng như cơ quan có trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản; Chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm trong việc thực hiện hủy kết quả đấu giá; Cơ chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa được quy định rõ ràng và chưa hiệu quả.

Cần hạn chế những vướng mắc, bất cập về trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường của công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản hiện hành, trình tự, thủ tục giải quyết cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản, hợp lý và hiệu quả.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc hoàn thiện quy định về tài chính về địa chất nhằm các mục tiêu sau:

- Đáp ứng yêu cầu thực thi Luật Khoáng sản 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời, bảo đảm phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến trình cải cách dịch vụ công và sự ổn định hoạt động của bộ máy nhà nước, hướng tới mục tiêu phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân, giảm thu ngân sách Nhà nước.

- Thống nhất quản lý, nâng cao chất lượng công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Phân định rõ phạm vi, trách nhiệm của các cấp, các ngành và tạo khung pháp lý cơ bản để các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, kiểm tra và thực thi đầy đủ các quy định pháp luật về việc chấp hành nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

- Phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính: giảm thiểu tối đa các nội dung cần hướng dẫn thực hiện sau khi ban hành Luật Khoáng sản sửa đổi; trình tự thủ tục rút gọn, nhanh chóng tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong từng giai đoạn từ lập kế hoạch đấu giá, xây dựng hồ sơ mời đấu giá, lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá, tổ chức phiên đấu giá và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Hoàn thiện hơn nữa quy trình tổ chức “đấu giá quyền khai thác khoáng sản” chung trên toàn quốc, tuân thủ Luật Đấu giá tài sản, tuy nhiên, phải có đề xuất, phương án “đặc thù” cho tài sản là “quyền khai thác khoáng sản”.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có 2 giải pháp cho vấn đề này:

* *Giải pháp 1:* Sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính địa chất và khoáng sản theo hướng sau:

- Bổ sung quy định khung cho việc thu tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phục vụ cho toàn bộ các đối tượng sử dụng thông tin. Theo đó, xác định về nguyên tắc, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin dữ liệu địa chất, khoáng sản phải hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (trừ mục đích nghiên cứu khoa học).

- Sửa đổi, bổ sung quy định xử lý tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: phê duyệt điều chỉnh, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản...

- Bổ sung quy định về các nội dung mang tính chất đặc thù của đấu giá quyền khai thác khoáng sản: quy định về việc thực hiện lập kế hoạch đấu giá tập trung vào nội dung chính là nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ, đã có quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

* *Giải pháp 2:* Giữ nguyên quy định hiện hành.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. *Giải pháp 1: Sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính địa chất và khoáng sản*

a) *Tác động về kinh tế, xã hội*

- Tác động tích cực:

Việc bổ sung quy định thu tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phục vụ cho toàn bộ các đối tượng sử dụng thông tin không làm phát sinh chi phí, khắc phục được những tồn tại nêu trên, tăng thu cho ngân sách nhà nước, tăng cường nguồn lực để tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực của nhà nước.

Đảm bảo được sự ổn định lâu dài của quy phạm pháp luật, giải pháp này sẽ tránh được trường hợp có thể phải sửa đổi, bổ sung trong tương lai khi hệ thống pháp luật và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội có sự thay đổi;

Sửa đổi trực tiếp từng điều, khoản chưa phù hợp trong Nghị định 67/2019/NĐ-CP đưa ngay vào trong Luật nên sẽ khắc phục trực tiếp các tồn tại trong quá trình 10 năm thực hiện Nghị định, ví dụ là việc khó khăn trong quá trình thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép đã chấm dứt hiệu lực trước năm 2014 hoặc đối với các doanh nghiệp đã giải thể...

Giải quyết được các bất cập trong các quy định của pháp luật về khoáng sản, nhằm ổn định trật tự sản xuất, kinh doanh trong xã hội; hạn chế các khiếu nại hoặc sự chống đối từ phía doanh nghiệp trong việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, từ đó ổn định đời sống của công nhân, người lao động trong các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản.

Tháo gỡ được các vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp không thể tiếp tục khai thác khoáng sản (*bao gồm cả nguyên nhân khách quan hay chủ quan*) hoặc phải khai thác cầm chừng do thị trường...Do đó, tạo điều kiện để doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc khai thác, chế biến và kinh doanh các sản phẩm khoáng sản.

Sửa đổi, bổ sung quy định về thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sẽ hạn chế được tình trạng ngân sách nhà nước bị treo nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng không thu được từ các doanh nghiệp cũng như chưa có phương án giải quyết nợ đọng.

- Tác động tiêu cực:

+ Phạm vi trách nhiệm trả tiền của Nhà nước được mở rộng yêu cầu nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm phải chi trả khoản tiền lớn hơn cho hoạt động sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản;

+ Số lượng công việc giải quyết xác định phí, tiền hoàn trả cũng sẽ tăng, tạo ra sức ép khối lượng công việc lớn hơn đối với đội ngũ công chức thực hiện công tác thu tiền cho nhà nước. Vấn đề này có thể đặt ra yêu cầu đối với việc cơ cấu lại hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, nâng cao trình độ nghiệp vụ của các công chức thực hiện chuyên trách công tác xác định phí, tiền hoàn trả.

+ Các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) không được giải quyết; lãng phí nguồn tài nguyên của đất nước.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về mặt thủ tục hành chính: có thể phát sinh thủ tục hành chính mới do có các quy định mới so với quy định hiện hành.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động tích cực: hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về kinh tế địa chất; tránh lãng phí trong việc sử dụng nguồn lực của nhà nước.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

5.4.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực: các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) không được giải quyết; lãng phí nguồn tài nguyên của đất nước.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về mặt thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh và đánh giá ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp được đưa ra đối chiếu với định hướng và mục tiêu sửa đổi Luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu đề xuất lựa chọn **Giải pháp 1**.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trên cơ sở tổng hợp Báo cáo kết quả 05 năm thi hành Luật Khoáng sản của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành liên quan và cập nhật thông tin đến năm 2021; Kết quả phối hợp Hội thảo “Đánh giá 05 năm thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật khoáng sản” do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban Kinh tế Trung ương và Ủy ban Kinh tế Quốc hội tổ chức năm 2017; Kết quả Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Nghị quyết số 02); Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản từ năm 2013 đến năm 2020, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành “Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, đánh giá những tác động tích cực, các vấn đề tồn tại, bất cập và đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung”.

Theo kết quả Tổng kết thi hành Nghị quyết số 02-NQ/TW và Tổng kết thi hành Luật Khoáng sản năm 2010 nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi). Ngày 20/4/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 2040/BTNMT-ĐCKS đề nghị góp ý Dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi) ý kiến Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong đó có 04 Bộ bắt buộc phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là: Tư pháp, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ. Đồng thời, hồ sơ Dự án cũng được gửi đến các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý. Tổ chức đăng tải dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi) trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm (trong 30 ngày) để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân.

Đến nay đã hết thời hạn góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được ý kiến của **10** Bộ, ngành và **56/63** UBND các tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan. Trong đó, có **24** cơ quan, đơn vị nhất trí hoàn toàn với Dự thảo hồ sơ; các cơ quan, đơn vị còn lại hầu hết cơ bản nhất trí với nội dung, bố cục Dự thảo hồ sơ, sự cần thiết ban hành văn bản và có một số ý kiến góp ý khác. Về cơ bản các ý kiến đánh giá cao việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật, cơ bản các ý kiến đánh giá cao việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực thi các chính sách này.

Quốc hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường giám sát việc thực hiện các chính sách này.

Trên đây là Báo cáo Đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quý Kiên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, VP, ĐCKS.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà